

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
HIGH QUALITY UNDERGRADUATE EDUCATION**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3654/QĐ-ĐHM ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
Issued together with Decision No 3654/QĐ-ĐHM dated 30 month 12 year 2022
by the Rector of Ho Chi Minh City Open University)*

I. Thông tin tổng quát-General information

1. Ngành đào tạo/Major in Vietnamese: **Luật kinh tế**
2. Ngành đào tạo tiếng Anh/Major in English: Business Law
3. Mã ngành/Major Code: **7380107**
4. Trình độ đào tạo/Level of training: Đại học-Undergraduate
5. Hình thức đào tạo/Mode of training: Chính quy-Full time
6. Thời gian đào tạo/Time of the programme: 4 năm/ 4 years
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số tín chỉ)/Total credits: 142 tín chỉ/ 142 credits
8. Văn bằng tốt nghiệp/Name of degree: Cử nhân/BA
9. Ngôn ngữ đào tạo/Language(s) of instruction: Tiếng Việt và tiếng Anh/
Vietnamese and English

II. Mục tiêu đào tạo/Programme Objectives 

1. Mục tiêu chung/General objectives

Đào tạo cử nhân luật kinh tế chất lượng cao có phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm đối với xã hội, có sức khỏe, kiến thức và năng lực chuyên môn trong lĩnh vực ngành luật kinh tế để phát triển nghề nghiệp và bản thân trong bối cảnh hội nhập và phát triển của đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể/Specific objectives

Mục tiêu cụ thể/ <i>Specific objectives</i>	Mô tả/Description
Kiến thức/Knowledge	
PO1	Trang bị kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội và con người để phục vụ cho phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.
PO2	Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn thuộc các lĩnh vực pháp luật và luật kinh tế để giải quyết các vấn đề chuyên môn.
Kỹ năng/Skills	
PO3	Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực luật kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.
Mức tự chủ và trách nhiệm/Autonomy and Accountability	
PO4	Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Luật kinh tế và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.
PO5	Xây dựng ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp

III. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp/Job opportunities after graduation

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các vị trí việc làm sau:

1. Vị trí việc làm 1: Chuyên viên pháp chế trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tổ chức kinh tế, ở các phòng pháp chế, nhân sự, Ban thư ký lãnh đạo doanh nghiệp.

2. Vị trí việc làm 2: Chuyên viên pháp lý, thư ký nghiệp vụ, trợ lý cho luật sư tại các Công ty Luật, Văn phòng Luật sư, Văn phòng Công chứng, Văn phòng Thừa phát lại, Trung tâm bán đấu giá tài sản, Trung tâm hòa giải, Trọng tài thương mại, Trợ giúp pháp lý, Chuyên viên tư vấn ở các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

3. Vị trí việc làm 3: Thư ký, Thẩm tra viên trong Tòa án, Cơ quan Thi hành án dân sự; Chuyên viên, Kiểm tra viên trong Viện kiểm sát nhân dân, Công tác pháp luật trong cơ quan Công an nhân dân. *mp*

4. Vị trí việc làm 4: Chuyên viên pháp chế tại các bộ phận: nhân sự, hành chính, tổng hợp, chính sách, tuyên truyền pháp luật, thư ký lãnh đạo ở các cơ quan: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở, phòng, ban các cấp.

5. Vị trí việc làm 5: Chuyên viên pháp lý trong các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ (NGOs).

6. Vị trí việc làm 6: Công tác nghiên cứu, báo cáo viên pháp luật trong các cơ sở đào tạo, đơn vị sự nghiệp về lĩnh vực pháp luật, tư vấn hoạch định chính sách công.

7. Vị trí việc làm 7: Cơ hội nâng cao nghề nghiệp sau khi đáp ứng một số quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề hay bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp:

- **Luật sư:** tham gia khóa đào tạo nghề luật sư, trải qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự để cấp chứng chỉ hành nghề Luật sư.

- **Thẩm phán:** có thời gian công tác thực tiễn theo quy định, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ xét xử, trải qua kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm Thẩm phán Quốc gia.

- **Kiểm sát viên:** có thời gian công tác thực tiễn theo quy định, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm sát, có năng lực thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, trải qua kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm làm Kiểm sát viên.

- **Chấp hành viên:** có thời gian công tác thực tiễn, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ thi hành án dân sự, đạt kết quả kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm Chấp hành viên.

- **Công chứng viên, Thừa phát lại, Đấu giá viên:** tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, có thời gian công tác thực tiễn, đạt kết quả tập sự hành nghề để cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định.

- **Công tác giảng dạy pháp luật:** sau khi tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, có thời gian công tác thực tiễn theo quy định.

IV. Chuẩn đầu ra – Programme learning outcomes (PLOs)

Chuẩn đầu ra/ PLO Code	Mô tả/Description
Kiến thức/Knowledge	
PO1: Xây dựng ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp	
PLO1	Thể hiện hiểu biết các kiến thức cơ bản về tin học, khoa học tự nhiên, toán học và khoa học xã hội để làm nền tảng phát triển tư duy phân biện
PLO2	Hình thành thế giới quan, nhân sinh quan thông qua việc vận dụng những quan điểm khoa học về tính cách mạng, tính nhân văn của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ

Chuẩn đầu ra/ PLO Code	Mô tả/Description
	Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng, đổi mới đất nước.
PO2: Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn thuộc các lĩnh vực pháp luật và luật kinh tế để giải quyết các vấn đề chuyên môn.	
PLO3	Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực cơ sở ngành phù hợp với ngành luật kinh tế.
PLO4	Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc bằng ngôn ngữ tiếng Anh trong một số lĩnh vực pháp luật
PLO5	Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực chuyên ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc bằng ngôn ngữ tiếng Anh trong một số lĩnh vực pháp luật
PLO6	Áp dụng các kiến thức thuộc lĩnh vực hỗ trợ cho ngành luật kinh tế trong việc vận dụng, giải quyết các vấn đề chuyên môn.
Kỹ năng/Skills	
PO3: Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực luật kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.	
PLO7	Thể hiện được khả năng tư duy hệ thống và phân biện
PLO8	Thực hiện được việc nhận dạng và giải quyết vấn đề
PLO9	Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh.
PLO10	Có kỹ năng giao tiếp nói và viết, ngôn ngữ và phi ngôn ngữ hiệu quả và làm việc trong môi trường hội nhập.
PLO11	Có khả năng thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn
Mức tự chủ và trách nhiệm/Autonomy and Accountability	
PO4: Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành Luật kinh tế và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.	
PLO12	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
PLO13	Có năng lực tổ chức thực hiện công việc và học hỏi, phát triển bản thân
PO5: Xây dựng ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.	
PLO14	Có ý thức tuân thủ pháp luật, có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

V. Đối tượng tuyển sinh, điều kiện nhập học/*Admission criteria and policies*

1. Đối tượng tuyển sinh/*Candidates for admission*

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

2. Điều kiện nhập học/Admission criteria

Thực hiện theo quy định, điều kiện nhập học của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

VI. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp/Delivery of the programme and graduation criteria

1. Quy trình đào tạo/Delivery of the programme

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy chất lượng cao theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Điều kiện tốt nghiệp/Graduation criteria

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định bởi Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy chất lượng cao theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

VII. Cách thức đánh giá/Student assessment

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá môn học, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy chất lượng cao theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

VIII. Nội dung chương trình/Programme contents

1. Cấu trúc chương trình – Curriculum structure

STT No.	Cấu trúc CTĐT/ Curriculum structure	Số tín chỉ/Number of credits			Tỷ lệ/ Ratio
		Tổng số/ Total	Bắt buộc/ Compulsory	Tự chọn/ Optional	
1.	Kiến thức giáo dục đại cương	56	41	15	39.4%
1.1.	<i>Lý luận chính trị</i>	11	11	0	
1.2.	<i>Kiến thức kinh tế, luật và khoa học xã hội – nhân văn</i>	6	0	6	
1.3.	<i>Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên</i>	9	0	9	
1.4.	<i>Ngoại ngữ</i>	30	30	0	
1.5.	<i>Giáo dục thể chất</i>	3	1.5	1.5	
1.6.	<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh</i>	8	8	0	
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	76	60	16	53.5%

STT No.	Cấu trúc CTĐT/ Curriculum structure	Số tín chỉ/Number of credits			Tỷ lệ/ Ratio
		Tổng số/ Total	Bắt buộc/ Compulsory	Tự chọn/ Optional	
2.1.	Kiến thức cơ sở (khỏi ngành, nhóm ngành, ngành)	20	20	0	
2.2.	Kiến thức ngành	23	21	2	
2.3.	Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	27	19	8	
2.4.	Kiến thức bổ trợ	6	0	6	
3. Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)		10	4	6	7.1%
3.1.	Thực tập tốt nghiệp	4	4	0	
3.2.	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	
3.3.	Môn thay thế	6	0	6	
Tổng cộng		142	105	37	100%

2. Khối lượng giảng dạy trực tuyến/Online mode of delivery

STT/ No.	Môn học giảng dạy theo phương thức trực tuyến/kết hợp Course with blended learning	Mã môn học/ Course Code	Tổng số/ Total	Khối lượng giảng dạy trực tuyến/ Online	Tỷ lệ giảng dạy trực tuyến/ Ratio
			Giờ/Period	Giờ/Period	%
1.	Triết học Mác – Lênin Marxist – Leninist philosophy	POLI1304	45	13.5	30%
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist – Leninist Political Economics	POLI1205	30	9	30%
3.	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	POLI1206	30	9	30%
4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	POLI1207	30	9	30%
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	POLI1208	37.5	9	24%
6.	Môn toán, tin học và khoa học tự nhiên chọn 1:				
	Tư duy phản biện Critical thinking	BLAW6303	45	9	20%
7.	Môn toán, tin học và khoa học tự nhiên chọn 2:				
	Con người và môi trường Human Environmental Interaction	BIOT6335	45	9	20%

STT/ No.	Môn học giảng dạy theo phương thức trực tuyến/kết hợp Course with blended learning	Mã môn học/ Course Code	Tổng số/ Total	Khối lượng giảng dạy trực tuyến/ Online	Tỷ lệ giảng dạy trực tuyến/ Ratio
			Giờ/Period	Giờ/Period	%
8.	Môn toán, tin học và khoa học tự nhiên chọn 3:				
	Tin học đại cương Information Technology Basic	COMP6301	60	15	25%
9.	Tiếng Anh nâng cao 1 Academic English 1	GENG1339	60	15	25%
10.	Tiếng Anh nâng cao 2 Academic English 2	GENG1340	60	15	25%
11.	Tiếng Anh nâng cao 3 Academic English 3	GENG1341	60	15	25%
12.	Tiếng Anh nâng cao 4 Academic English 4	GENG1342	60	15	25%
13.	Tiếng Anh nâng cao 5 Academic English 5	GENG1343	60	15	25%
14.	Tiếng Anh nâng cao 6 Academic English 6	GENG1344	60	15	25%
15.	Tiếng Anh nâng cao 7 Academic English 7	GENG1345	60	15	25%
16.	Tiếng Anh nâng cao 8 Academic English 8	GENG1346	60	15	25%
17.	Tiếng Anh nâng cao 9 Academic English 9	GENG1347	60	15	25%
18.	Tiếng Anh nâng cao 10 Academic English 10	GENG1348	60	15	25%
19.	Luật dân sự 1 Civil Law 1	BLAW6328	45	9	20%
20.	Pháp luật về hoạt động thương mại (Tiếng Anh) Law on Business Activities	BLAW5315	45	9	20%
21.	Môn kiến thức chuyên ngành chọn 3				
	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (tiếng Anh) Contract Drafting Skills	BLAW5304	60	15	25%
22.	Môn kiến thức bổ trợ chọn 1				
23.	Nguyên lý kế toán (tiếng Anh) Principles of Accounting	ACCO5301	60	18	30%
24.	Môn kiến thức bổ trợ chọn 2				
25.	Quản trị nhân lực Human Resource Management	BADM6319	60	15	25%

m

STT/ No.	Môn học giảng dạy theo phương thức trực tuyến/kết hợp Course with blended learning	Mã môn học/ Course Code	Tổng số/ Total	Khối lượng giảng dạy trực tuyến/ Online	Tỷ lệ giảng dạy trực tuyến/ Ratio
			Giờ/Period	Giờ/Period	%
Tổng cộng/Total		X	1155	285	11,1%
Khối lượng CTĐT/Total of credits for the entire curriculum		X	142 tín chỉ (2587.5 giờ)	285	11,1%

Ghi chú: Tỷ lệ giảng dạy trực tuyến của CTĐT không vượt quá 30%

3. Nội dung chương trình-Programme contents

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
1	Kiến thức giáo dục đại cương				
a)	Lý luận chính trị		10.5	0.5	
1	Triết học Mác - Lênin Marxist – Leninist phylosophy	POLI1304	3		
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist – Leninist Political Economics	POLI1205	2		
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	POLI1206	2		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese communist party	POLI1207	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	POLI1208	1.5	0.5	
b)	Kiến thức kinh tế, luật, khoa học xã hội và nhân văn				
	Chọn trong danh mục các môn học sau:				
	Kinh tế – Khoa học xã hội nhân văn		3		
6	Kinh tế học đại cương Basic Economics	ECON6301	3		
7	Kinh tế vi mô Microeconomics	ECON6302	3		
8	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	ECON6303	3		
9	Nguyên lý kế toán (Tiếng Anh) Principles of Accounting	ACCO5301	2	1	

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
10	Quản trị học (Tiếng Anh) Principles of Management	BADM5301	2	1	
11	Giao tiếp trong kinh doanh Business Communication	BADM6301	2	1	
12	Xã hội học đại cương Introduction to Sociology	SOCI6301	3		
13	Tâm lý học đại cương Introduction to Psychology	SOCI6302	3		
14	Đại cương văn hoá Việt Nam Introduction to Vietnamese Culture	VIET6301	3		
15	An sinh xã hội Social Welfare	SWOR6301	3		
16	Nhân học đại cương Introduction to Anthropology	SOCI6303	3		
	Pháp luật		3		
17	Pháp luật đại cương Introduction to Law	GLAW6301	3		
18	Lý luận nhà nước và pháp luật Theories of State and Law	BLAW6301	3		
c)	Kiến thức toán, tin học và khoa học tự nhiên				
	Chọn trong danh mục các môn học sau:				
	Toán và logic học		3		
19	Giải tích Analytics	MATH6301	2	1	
20	Đại số tuyến tính Linear Algebra	MATH6302	2	1	
21	Xác suất và thống kê Probability and Statistics	MATH6303	2	1	
22	Thống kê ứng dụng Business Statistics	BADM6302	2	1	
23	Logic học Logics	ACCO6317	3		
24	Tư duy phản biện Critical thinking	BLAW6303	3		
	Khoa học tự nhiên và môi trường		3		

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
25	Hóa đại cương General Chemistry	CHEM6301	2	1	
26	Sinh học đại cương General Biogly	BIOT6201	1	1	
27	Con người và môi trường Human Environmental Interaction	BIOT6335	3		
	Tin học		2	1	
28	Tin học đại cương Information Technology Basic	COMP6301	2	1	
29	Tin học ứng dụng Applied Computer Science	COMP6302	2	1	
30	Nhập môn tin học Introduction to Informatics	ITEC6301	2	1	
<i>d)</i>	<i>Tiếng Anh (hoặc ngoại ngữ hai)</i>		20	10	
31	Tiếng Anh nâng cao 1 Academic English 1	GENG1339	2	1	
32	Tiếng Anh nâng cao 2 Academic English 2	GENG1340	2	1	
33	Tiếng Anh nâng cao 3 Academic English 3	GENG1341	2	1	
34	Tiếng Anh nâng cao 4 Academic English 4	GENG1342	2	1	
35	Tiếng Anh nâng cao 5 Academic English 5	GENG1343	2	1	
36	Tiếng Anh nâng cao 6 Academic English 6	GENG1344	2	1	
37	Tiếng Anh nâng cao 7 Academic English 7	GENG1345	2	1	
38	Tiếng Anh nâng cao 8 Academic English 8	GENG1346	2	1	
39	Tiếng Anh nâng cao 9 Academic English 9	GENG1347	2	1	
40	Tiếng Anh nâng cao 10 Academic English 10	GENG1348	2	1	
<i>e)</i>	<i>Giáo dục thể chất</i>			3	
	<i>Bắt buộc</i>				

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
41	Giáo dục thể chất 1 Physical Education 1	PEDU0201		1.5	
	<i>Giáo dục thể chất 2: Chọn 1 trong các môn sau đây</i>				
42	GDTC2 – Bóng chuyền Physical Education 2 – Volleyball	PEDU0202		1.5	
43	GDTC2 – Bóng đá Physical Education 2 – Football	PEDU0203		1.5	
44	GDTC2 – Cầu lông Physical Education 2 – Badminton	PEDU0204		1.5	
45	GDTC2 – Võ thuật Physical Education 2 – Martial Art	PEDU0205		1.5	
46	GDTC2 – Bóng bàn Physical Education 2 – Table Tennis	PEDU0206		1.5	
47	GDTC2 – Bơi lội Physical Education 2 – Swimming	PEDU0207		1.5	
48	GDTC2 – Bóng rổ Physical Education 2 – Basketball	PEDU0208		1.5	
<i>f)</i>	<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh</i>		5	3	
49	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam Nation Defense and Security Education: National Defense and Security Lines of the Vietnamese Communist Party	DEDU0301	3		
50	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh Defense and Security Education: Defense and Security Work	DEDU0202	2		
51	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung Defense and Security Education: General Military	DEDU0103		1	
52	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật Defense and Security Education: Infantry Fighting Techniques and Tactics	DEDU0204		2	
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
a)	<i>Kiến thức cơ sở (khôì ngành, nhóm ngành, ngành)</i>				
a)	<i>Kiến thức cơ sở (khôì ngành, nhóm ngành, ngành)</i>		18	2	
	Bắt buộc				
53	Luật Hiến pháp Constitutional Law	BLAW6325	3		
54	Luật hành chính Administrative Law	BLAW6326	3		
55	Luật hình sự Criminal Law	BLAW6327	3		
56	Luật dân sự 1 Civil Law 1	BLAW6328	3		
57	Luật dân sự 2 Civil Law 2	BLAW6329	3		
58	Luật tố tụng dân sự Civil Procedure Law	BLAW6309	2	1	
59	Luật tố tụng hình sự Criminal Procedure Law	BLAW6201	1	1	
b)	<i>Kiến thức ngành</i>		18	5	
	Bắt buộc		16	5	
60	Pháp luật về các loại hình thương nhân (Tiếng Anh) Law on Business Organisations	BLAW5306	2	1	
61	Pháp luật về hoạt động thương mại (Tiếng Anh) Law on Business Activities	BLAW5315	3		
62	Phá sản và giải quyết tranh chấp (Tiếng Anh) Law on Bankruptcy and Dispute Settlement	BLAW5201	2		
63	Luật đất đai Land Law	BLAW6310	2	1	
64	Công pháp quốc tế (Tiếng Anh) Public International Law	BLAW5308	3		
65	Tư pháp quốc tế Private International Law	BLAW6330	3		

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
66	Kỹ năng soạn thảo văn bản Drafting Legal Documents	BLAW6202	1	1	
67	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý Legal Writing and Research	BLAW6203	1	1	
	Tự chọn: Chọn 1 trong các môn sau:		2		
68	Luật hôn nhân và gia đình Marriage and Family Law	BLAW6204	2		
69	Luật thi hành án dân sự Law on Enforcement of Civil Judgments	GLAW6303	2	1	
70	Pháp luật về giao dịch bảo đảm Law on Secured Transactions	GLAW6205	2		
c)	Kiến thức chuyên ngành		19	8	
	Bắt buộc		11	8	
71	Luật lao động Labour Law	BLAW6302	2	1	
72	Luật thuế Tax Law	BLAW6311	2	1	
73	Luật thương mại quốc tế (tiếng Anh) International Commercial Law	BLAW5303	2	1	
74	Luật sở hữu trí tuệ Law on Intellectual Property	BLAW6312	2	1	
75	Luật cạnh tranh Competition Law	BLAW6331	3		
76	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 1 Practice Training (Business law 1)	BLAW6205		2	
77	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 2 Practice Training (Business law 2)	BLAW6206		2	
	Tự chọn: Chọn 8 tín chỉ trong các môn sau:		8		
78	Luật môi trường Environmental Law	BLAW6332	3		
79	Luật đầu tư (Tiếng Anh) Investment Law	BLAW5316	3		

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
80	Luật ngân hàng Banking Law	BLAW6208	2		
81	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (Tiếng Anh) Contract Drafting Skills	BLAW5304	2	1	
82	Luật kinh doanh bảo hiểm Law on Insurance Business	BLAW6209	2		
83	Luật kinh doanh bất động sản Law on Real Estate Business	BLAW6333	3		
84	Pháp luật về xuất nhập khẩu Import & Export Law	BLAW6210	2		
85	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán Law on Securities and Stock Exchanges	BLAW6211	2		
86	Luật thương mại điện tử Law on E-commerce	BLAW6212	2		
87	Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng Lawyers, Legal Advice and Litigation Skills	GLAW6304	2	1	
88	Pháp luật cộng đồng ASEAN ASEAN Law	GLAW6305	3		
89	Luật ngân sách nhà nước State Budget Law	BLAW6220	1	1	
d)	Kiến thức bổ trợ		6		
	Tự chọn: Chọn 6 tín chỉ trong các môn sau:		6		
90	Luật Tố tụng hành chính Administrative Procedures Law	BLAW6221	1	1	
91	Luật học so sánh Comparative Law	BLAW6214	2		
92	Lịch sử nhà nước và pháp luật History of State and Law	BLAW6316	3		
93	Nguyên lý kế toán (Tiếng Anh) Principles of Accounting	ACCO5301	2	1	
94	Quản trị học (tiếng Anh) Principles of Management	BADM5301	2	1	

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
95	Marketing căn bản Principles of Marketing	BADM6322	2	1	
96	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	BADM6304	2	1	
97	Kinh tế xây dựng Engineering Economy in Construction	CENG6301	3		
98	Quản trị nhân lực Human Resource Management	BADM6319	2	1	
99	Phát triển cộng đồng Community Development	SWOR6302	2	1	
100	Giới và phát triển Gender and Development	SWOR6303	3		
101	Quan hệ công chúng Public Relations	BADM 6320	2	1	
102	Giao tiếp liên văn hóa Cross Cultural Communication	SEAS6302	2	1	
103	Phát triển sản phẩm CNSH Biotechnology Product Development	BIOT6202		2	
104	Quản lý môi trường Environmental Management	BIOT6214	2		
105	Dinh dưỡng người Human Nutrition	BIOT6204	2		
106	Thương mại điện tử E – commerce	BADM6303	2	1	
107	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Enterprise Resource Planning System	ACCO6311	2	1	
108	Tài chính cá nhân Personal Finance	FINA6313	2	1	
109	Thuế và hoạt động kinh doanh Tax and Business Operations	FINA6314	2	1	
110	Nghiệp vụ giao dịch ngân hàng Banking Services	ENGL5206	1	1	
111	Đàm phán trong kinh doanh (tiếng Anh) Business Negotiation	ENGL5209	1	1	
112	Giao tiếp trong kinh doanh (tiếng Anh) Business Communication	ENGL5210	1	1	

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
113	Quản trị tài chính (Tiếng Anh) Financial Management	FINA5324	2	1	
114	Tài chính doanh nghiệp 1 Corporate Finance 1	FINA6315	2	1	
115	Tài chính quốc tế International Finance	FINA6326	3		
116	Kế toán tài chính 1 Financial Accounting 1	ACCO6340	3		
117	Kiểm toán 1 Auditing 1	ACCO6343	3		
118	Thanh toán quốc tế International Payment	FINA6303	2	1	
119	Thống kê ứng dụng Business Statistics	BADM6302	2	1	
120	Tiền tệ và Ngân hàng Monetary Policy and Banking	FINA6325	3		
121	Quản trị chiến lược Strategic Management	BADM6324	2	1	
122	Kinh doanh quốc tế International Business CD: hội nhập kinh tế quốc tế tại Việt nam Vietnam's Integration In International Economics	BADM6325	2	1	
123	Marketing quốc tế International Marketing	BADM6326	2	1	
3.	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (hoặc môn thay thế)		6	4	
124	Thực tập tốt nghiệp Internship	BLAW6401		4	
125	Khóa luận tốt nghiệp BA thesis	BLAW6601	6		
	Hoặc môn học thay thế Khóa Luận tốt nghiệp bởi 6 tín chỉ từ những môn sau:				
	(a) Các môn học tự chọn thuộc kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành của ngành Luật Kinh tế;				

STT/ No.	Tên môn học (Tiếng Việt/Tiếng Anh) Name of courses (Vietnamese/English)	Mã môn học Course Code	Khối lượng kiến thức Teaching hours/credits		Ghi chú/ Remarks
			Lý thuyết/ Theory	Thực hành/ Practice	
	(b) Hoặc các môn học thuộc kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Luật;				
	Lưu ý: Các môn học thuộc (a), (b) không được trùng với môn học đã học (bắt buộc, tự chọn, bổ trợ) của chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế.				
	Tổng cộng: 142		111.5	30.5	

IX. Kế hoạch đào tạo (dự kiến)/Delivery of the curriculum (expected)

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teac hing and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T- F	Trực tuyế/ Onlin e	Tự học/ Self- stud y		
HỌC KỲ 1							
	Môn bắt buộc:						
1.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG1339	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teac hing and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T- F	Trực tuyế/ Onlin e	Tự học/ Self- stud y		
							<p>Bài tập online</p> <p>Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ</p> <p>Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận</p>
2.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG1340	45	15	75	<p>GV diễn giảng</p> <p>SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình</p> <p>GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết</p>	<p>Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức:</p> <p>Hoạt động trong lớp</p> <p>Bài tập online</p> <p>Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ</p> <p>Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận</p> <p>Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức:</p> <p>Hoạt động trong lớp</p> <p>Bài tập online</p> <p>Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ</p> <p>Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận</p>

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self-study		
3.	Triết học Mác - Lênin	POLI1304	31.5	13.5	90	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Dẫn đầu trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
4.	<i>Pháp luật (tự chọn):</i> Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW6301	45	0	90	Thuyết giảng, thuyết trình, thảo luận,	Giữa kỳ: dẫn đầu LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận
5.	<i>Tin học (tự chọn):</i> Tin học đại cương	COMP6301	45	15	75	Thuyết giảng, bài tập thực hành, thảo luận	Bài kiểm tra giữa kỳ, bài kiểm tra cuối kỳ
HỌC KỲ 2							
	Môn bắt buộc:						
1.	Luật hiến pháp	BLAW6325	45	0	90	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: dẫn đầu LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self-study		
							Cuối kỳ: tự luận
2.	Luật dân sự 1	BLAW6328	45	0	90	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
3.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG1341	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp,

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teac hing and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T- F	Trực tuyế/ Onlin e	Tự học/ Self- stud y		
							trắc nghiệm, tự luận
4.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG1342	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
5.	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	DEDU0301	45	0	90	Nêu vấn đề, thuyết trình, làm động tác mẫu, thảo luận, thực hành, trực	Bài kiểm tra giữa kỳ (trắc nghiệm, tiểu luận), bài tập thảo luận nhóm, bài kiểm tra cuối
6.	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh	DEDU0202	30	0	60		

m

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teac hing and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T- F	Trực tuyến/ Onlin e	Tự học/ Self- stud y		
7.	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung	DEDU0103	30	0	15	quan, quan sát, đóng vai...	kỳ (Thực hành, trắc nghiệm)...
8.	Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	DEDU0204	60	0	30		
HỌC KỲ 3							
1.	Luật dân sự 2	BLAW6329	45	0	90	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
2.	Luật hành chính	BLAW6326	45	0	90	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
3.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG1343	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh



STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teac hing and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T- F	Trực tuyế/ Onlin e	Tự học/ Self- stud y		
							<p>giá 4 kỹ năng qua các hình thức:</p> <p>Hoạt động trong lớp</p> <p>Bài tập online</p> <p>Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ</p> <p>Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận</p>
4.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG1344	45	15	75	<p>GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết</p>	<p>Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức:</p> <p>Hoạt động trong lớp</p> <p>Bài tập online</p> <p>Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ</p> <p>Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận</p> <p>Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức:</p> <p>Hoạt động trong lớp</p> <p>Bài tập online</p>

MY

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teac hing and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T- F	Trực tuyế/ Onlin e	Tự học/ Self- stud y		
							Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
5.	Giáo dục thể chất 1	PEDU0201	45		22.5	Thuyết giảng, thị phạm động tác, hướng dẫn thảo luận, chỉnh sửa động tác, tập luyện theo nhóm và cá nhân.	Đánh giá thái độ học tập thông qua: số buổi dự học, ý kiến đóng góp xây dựng bài tập, ý thức tự giác. Kiểm tra giữa kỳ: Bài thảo luận và thực hành theo nhóm. Thi kết thúc: Bài thi thực hành.
6.	<i>Toán và logic học (tự chọn):</i> Tư duy phản biện	BLAW6303	36	9	90	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: báo cáo nhóm – thuyết trình
HỌC KỲ 4							
1.	Pháp luật về các loại hình thương nhân (Tiếng Anh)	BLAW5306	45	0	75	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self-study		
							trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
2.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG1345	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
3.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG1346	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức:

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self-study		
						và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
4.	Luật tố tụng dân sự	BLAW6309	60	0	75	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
5.	Giáo dục thể chất 2		45		22.5	Thuyết giảng, thị phạm động tác, hướng dẫn	Đánh giá thái độ học tập thông qua: số buổi dự học, ý

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self-study		
						thảo luận, chỉnh sửa động tác, tập luyện theo nhóm và cá nhân.	kiến đóng góp xây dựng bài tập, ý thức tự giác. Kiểm tra giữa kỳ: Bài thảo luận và thực hành theo nhóm. Thi kết thúc: Bài thi thực hành.
6.	Luật hình sự	BLAW6327	45	0	90	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận
HỌC KỲ 5							
1.	Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	BLAW6203	45	0	45	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận
2.	Luật đất đai	BLAW6310	60	0	75	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm,

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teac hing and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T- F	Trực tuyế/ Onlin e	Tự học/ Self- stud y		
							bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
3.	Pháp luật về hoạt động thương mại (Tiếng Anh)	BLAW5315	36	9	90		Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
4.	Tiếng Anh nâng cao 9	GENG1347	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teac hing and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T- F	Trực tuyến/ Onlin e	Tự học/ Self- stud y		
							Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
5.	Tiếng Anh nâng cao 10	GENG1348	45	15	75	GV diễn giảng SV thảo luận cặp/nhóm và thuyết trình GV gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết	Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận Đánh giá 4 kỹ năng qua các hình thức: Hoạt động trong lớp Bài tập online Bài thi giữa kỳ và cuối kỳ Hình thức thi: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận
6.	Luật tố tụng hình sự	BLAW6201	45	0	45	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: bài kiểm tra tự luận/ trắc nghiệm

my

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teac hing and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T- F	Trực tuyế/ Onlin e	Tự học/ Self- stud y		
							Cuối kỳ: tự luận
HỌC KỲ 6							
1.	Luật lao động	BLAW6302	60	0	75	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: tự luận.
2.	Phá sản và giải quyết tranh chấp (Tiếng Anh)	BLAW5201	45	0	45	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
3.	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 1	BLAW6205	60	0	30	Bài tập, thảo luận, case study	Báo cáo thực tập và kết quả đánh giá của đơn vị thực tập
4.	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	POLI1205	21	9	60	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
5.	Kỹ năng soạn thảo văn bản	BLAW6202	45	0	45	Thuyết giảng, bài tập,	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết



STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self-study		
						thảo luận	trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận
HỌC KỲ 7							
1.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POLI1206	21	9	60	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
2.	Luật sở hữu trí tuệ	BLAW6312	60	0	75	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận
3.	Công pháp quốc tế	BLAW5308	45	0	90	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: bài tập cá nhân, bài tập nhóm Cuối kỳ: tự luận

m

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teac hing and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T- F	Trực tuyến/ Onlin e	Tự học/ Self- stud y		
4.	Tư pháp quốc tế	BLAW6330	45	0	90	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: bài tập cá nhân, bài tập nhóm Cuối kỳ: tự luận
5.	<i>Môn tự chọn kiến thức ngành</i>		30	0	60	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (*)
6.	<i>Môn tự chọn chuyên ngành 1</i>		30	0	60	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (*)
HỌC KỲ 8							
1.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI1207	21	9	60	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self-study		
2.	Luật thuế	BLAW6311	60	0	75	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm. Cuối kỳ: tự luận.
3.	Luật thương mại quốc tế (Tiếng Anh)	BLAW5303	60	0	75	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
4.	Môn tự chọn chuyên ngành 2		30	0	60	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (*)
5.	Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp 1		30	0	60	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (*)
6.	Khoa học tự nhiên và môi trường (tự chọn): Con người và môi trường	BIOT6335	36	9	90	Thuyết giảng, bài tập & thảo luận, thực	Quá trình 20% Giữa kỳ 30%, Cuối kỳ 50%

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self-study		
						hành tại lớp	(trắc nghiệm)
HỌC KỲ 9							
1.	Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 2	BLAW6206	60	0	30	Bài tập, thảo luận, case study	Báo cáo thực tập và kết quả đánh giá của đơn vị thực tập
2.	Luật cạnh tranh	BLAW6331	45	0	90	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.
<i>Kinh tế – Khoa học xã hội nhân văn (tự chọn):</i>							
3.	Kinh tế học đại cương	ECON6301	45	0	90	Thuyết trình	Đánh giá quá trình: Cá nhân/nhóm sau buổi học mỗi chương Đánh giá giữa kỳ: Bài tự luận/trắc nghiệm, bài tập tình huống Đánh giá cuối kỳ: Tự luận, Trắc nghiệm
4.	<i>Môn tự chọn chuyên ngành</i> 3		30	0	60	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self-study		
							Cuối kỳ: tự luận. (*)
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI1208	28.5	9	52.5	Thuyết giảng, Thuyết trình nhóm; Thảo luận nhóm; Diễn đàn trên LMS; Trắc nghiệm tự đánh giá; Tự học - Đọc tài liệu.	Đánh giá thái độ (chuyên cần, bài tập và hoạt động cá nhân); Thuyết trình, bài tập nhóm; Bài kiểm tra giữa kỳ; Bài kiểm tra kết thúc môn học
HỌC KỲ 10							
1.	<i>Môn tự chọn chuyên ngành 4</i>		30	0	60	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (*)
2.	<i>Môn tự chọn kiến thức bổ trợ 1</i>		30	0	60	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (*)



STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teac hing and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T- F	Trực tuyế/ Onlin e	Tự học/ Self- stud y		
3.	<i>Môn tự chọn kiến thức bổ trợ 2</i>		30	0	60	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (*)
4.	<i>Môn tự chọn kiến thức bổ trợ 3</i>		30	0	60	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (*)
5.	<i>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp 2</i>		30	0	60	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (*)
6.	<i>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp 3</i>		30	0	60	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận. (*)
HỌC KỲ 11							

STT /No.	Tên môn học/ Course Name	Mã môn học/ Course Code	Thời lượng môn học/Course time			Phương pháp giảng dạy/Teaching and learning methods	Phương pháp kiểm tra/bài đánh giá/ Student assessment
			Trực tiếp/ F-T-F	Trực tuyến/ Online	Tự học/ Self-study		
7.	Thực tập tốt nghiệp <i>Intership</i>	BLAW6401	120	0	60	Thực hành Thảo luận	Đánh giá quá trình: Chuyên cần, thái độ làm việc Chất lượng của báo cáo thực tập tốt nghiệp
8.	Khóa luận tốt nghiệp <i>BA thesis</i>	BLAW6601	90	0	180	Thực hành Thảo luận	Đánh giá quá trình: Chuyên cần, thái độ làm việc Chất lượng của báo cáo Khóa luận tốt nghiệp
	Hoặc môn học thay thế Khóa Luận tốt nghiệp bởi 6 tín chỉ						
	Các môn học tự chọn thuộc kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành của ngành Luật Kinh tế;		90	0	180	Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Giữa kỳ: diễn đàn LMS, thuyết trình nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ Cuối kỳ: tự luận.

my

X. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (*Phụ lục 1*)/Curriculum mapping (*Appendix 1*)

XI. Tổng hợp phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra (*Phụ lục 2*)/Synthesis of teaching and learning methods and student assessment for the achievement of PLOs (*Appendix 2*)

XII. Sơ đồ chương trình đào tạo (*Phụ lục 3*)/Curriculum Roadmap (*Appendix 3*)

XIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình (*Phụ lục 4*)/Guidelines for implementing the programme (*Appendix 4*)

XIV. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình (*Phụ lục 5*)/Quality assurance for the programme (*Appendix 5*)

XV. Đối sánh chương trình đào tạo trong nước và nước ngoài (*Phụ lục 6*) /Curriculum benchmarking (*Appendix 6*)

XVI. Mô tả môn học/Course overview

Môn học/Course Name: **Triết học Mác- Lênin**

Mã môn học/Course Code: POLI1304

Số tín chỉ/Credits: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Triết học Mác-Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin – môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối đại học trong cả nước.

Triết học Mác-Lênin là những nguyên lý triết học cơ bản do C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin viết nên trên cơ sở kế thừa sáng tạo và phát triển tinh hoa triết học nhân loại, tổng kết thực tiễn và trí tuệ thời đại; là thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng, cách mạng; là những quy luật chung nhất của sự vận động và phát triển của thế giới nói chung và sự vận động và phát triển của xã hội nói riêng.

Ý nghĩa – phương pháp luận sâu sắc được rút ra từ việc nghiên cứu Triết học Mác-Lênin có giá trị định hướng đúng đắn cho mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người.

Môn học/Course Name: **Kinh tế chính trị Mác- Lênin**

Mã môn học/Course Code: POLI1205

Số tín chỉ/Credits: 2

Môn học trước: Triết học Mác- Lênin

Mô tả tóm tắt/Course description: Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác

- Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Mã môn học/Course Code: POLI1206

Số tín chỉ/Credits: 2

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, là kết quả của sự vận dụng thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin và những học thuyết của kinh tế chính trị Mác - Lênin vào việc nghiên cứu quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.


Môn học/Course Name: **Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam**

Mã môn học/Course Code: POLI1207

Số tín chỉ/Credits: 2

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Môn học/Course Name: **Tư tưởng Hồ Chí Minh** 

Mã môn học/Course Code: POLI1208

Số tín chỉ/Credits: 2

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai của chương trình đào tạo Đại học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về nội dung quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người, trong đó nội dung cốt lõi là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Môn học/Course Name: **Kinh tế học đại cương**

Mã môn học/Course Code: ECON6301

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Kinh tế học đại cương là trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô (cơ chế vận hành trong nền kinh tế thị trường; các mô hình ra quyết định của các tác nhân riêng lẻ trong nền kinh tế: người tiêu dùng và nhà sản xuất;...) và các công cụ cần thiết để phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô (sản lượng, lạm phát, thất nghiệp,...)

Môn học/Course Name: **Kinh tế vi mô 1**

Mã môn học/Course Code: ECON6302

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, các quyết định về phân bổ nguồn lực được các nhà hoạch định từ Trung ương đưa ra. Ngược lại, trong nền kinh tế thị trường, các nguồn lực được phân bổ thông qua cơ chế giá cả. Trong nền kinh tế thị trường, các quyết định liên quan đến tiêu dùng và sản xuất đều được phi tập trung hoá: các hộ gia đình tự quyết định về việc phải làm bao nhiêu và tiêu dùng cái gì; trong khi đó các doanh nghiệp tự quyết định phải sản xuất cái gì, bao nhiêu và sản xuất như thế nào.

Nội dung môn học này gồm có bốn phần chính 

Trong phần đầu sẽ giới thiệu mô hình cung, cầu đơn giản và hoạt động của thị trường. Ngoài ra, khái niệm thặng dư tiêu dùng, thặng dư sản xuất cũng sẽ được giới thiệu và dùng để phân tích tác động của chính sách kiểm soát giá, chính sách thuế và trợ cấp của chính phủ.

Phần thứ hai của môn học nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hoá hành vi của người tiêu dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường.

Phần thứ ba nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết chi phí và nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận. Cuối cùng là xây dựng đường cung của doanh nghiệp và đường cung thị trường trong một ngành cạnh tranh.

Phần thứ tư của môn học sẽ trình bày các mô hình về Độc quyền, độc quyền nhóm và cạnh tranh độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm.

Môn học/Course Name: **Kinh tế vĩ mô 1**

Mã môn học/Course Code: ECON6303

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Với những kiến thức cơ bản về Kinh tế học vĩ mô được cung cấp trong môn học này, sinh viên có thể hiểu được ý nghĩa của các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản (như GDP, GNI, CPI, tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát,...), cách thức hình thành lãi suất trên thị trường tiền tệ, cũng như việc ngân hàng trung ương dùng lãi suất chiết khấu, dự trữ bắt buộc và hoạt động nghiệp vụ thị trường mở như là các công cụ làm thay đổi cung tiền trong nền kinh tế. Ngoài ra, sinh viên còn có thể phân biệt được sự khác nhau giữa các khái niệm mất giá - lên giá, nâng giá - phá giá của một đồng tiền và giải thích được sự hình thành tỷ giá hối đoái trên thị trường ngoại tệ và cách mà chính phủ có thể can thiệp vào thị trường ngoại tệ trong từng cơ chế tỷ giá hối đoái.

Trên cơ sở nắm bắt sản lượng cân bằng được xác định như thế nào trong mô hình số nhân của Keynes, kết hợp với các kiến thức trong thị trường tiền tệ và thị trường ngoại tệ, sinh viên sẽ được giới thiệu mô hình IS-LM, mô hình tổng cung- tổng cầu để có thể hiểu được khi chính phủ thực hiện chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa thì sản lượng quốc gia, lạm phát và thất nghiệp bị ảnh hưởng như thế nào. Cuối cùng, cũng thông qua mô hình tổng cung- tổng cầu, sinh viên có thể giải thích được mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn.

Môn học/Course Name: **Nguyên lý kế toán**

Mã môn học/Course Code: ACCO5301

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán để sinh viên đọc và hiểu được thông tin kế toán và mô tả được qui trình kế toán trong một doanh nghiệp, phục vụ cho việc ra các quyết định về quản lý, tài chính. Ngoài ra, môn học còn trang bị một số kỹ thuật của kế toán như tài khoản, ghi sổ kép, tính giá, ... để thực hành nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp thương mại và doanh nghiệp sản xuất.

Môn học/Course Name: **Quản trị học**

Mã số môn học/Course Code: BADM5301

Số tín chỉ/Credits: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Quản trị học là môn học nền tảng của ngành Quản trị kinh doanh, sẽ được học đầu tiên trong chương trình, giúp sinh viên có các kiến thức cốt lõi về quản trị. Trên cơ sở nền tảng của quản trị học, sinh viên sẽ học các môn học như: Quản trị nhân lực, Quản trị marketing, Quản trị dự án, Quản trị chiến lược, và rất nhiều các môn học ngành và chuyên ngành khác.

Môn học/Course Name: **Giao tiếp trong kinh doanh**

Mã số môn học/Course Code: BADM6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Biết cách sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng lời, giao tiếp không lời qua ánh mắt cử chỉ, và qua các văn bản trên giấy cũng như trên Internet là rất cần thiết với nhà quản trị. Trong thực tế, sự thành công của nhà quản trị tùy thuộc rất nhiều vào khả năng truyền đạt tư tưởng bằng lời nói cũng như bằng văn bản sao cho có bài bản, súc tích, hợp lý để có thể thuyết phục được cấp trên, cấp dưới, đồng nghiệp, hoặc các đối tác kinh doanh hiểu và chấp nhận những đề xuất hoặc những đề nghị của mình. Môn học Giao tiếp trong kinh doanh giúp cho sinh viên biết và thực hành các kỹ năng giao tiếp để có thể tự tin và thành công trong giao tiếp và đàm phán với mọi người, đặc biệt là với đối tác kinh doanh.

Môn học/Course Name: **Xã hội học đại cương** MM

Mã môn học/Course Code: SOCI6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp một số khái niệm cơ bản của xã hội học. Đây là môn học nền tảng để sinh viên có thể học các môn tiếp theo như Lịch sử XHH và các lý thuyết xã hội học hiện đại, Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội...

Cung cấp những khái niệm căn bản của xã hội học, giới thiệu một số chủ đề, lý thuyết, phương pháp cơ bản của xã hội học. Đồng thời sinh viên thực tập phân tích một số vấn đề xã hội bằng cách vận dụng các lý thuyết, khái niệm đã học.

Sau khi học xong môn này, sinh viên có hiểu biết ban đầu về các lỗi tiếp cận lý thuyết xã hội học và đặc điểm của lối nhìn xã hội học; về phương pháp xã hội học; hiểu biết về các yếu tố cấu thành xã hội và văn hóa; hiểu được các yếu tố cấu thành nhân cách; hiểu các loại hình tổ chức xã hội và định chế xã hội; hiểu sự phân tầng xã hội; hiểu biết về hiện tượng lệch lạc xã hội; biết được các loại hình hành vi tập thể và các phong trào xã hội và cuối cùng hiểu biết về biến chuyển xã hội và quá trình hiện đại hóa.

Môn học/Course Name: **Tâm lý học đại cương**

Mã môn học/Course Code: SOCI6302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:


Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tâm lý học đại cương là môn học nền tảng cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý cho sinh viên. Môn này sẽ giúp sinh viên hiểu được đối tượng, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học đại cương; bản chất của các hiện tượng tâm lý; các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong tâm lý học cũng như phân nào lý giải được cơ sở thần kinh của các hiện tượng tâm lý. Đây là môn học tiền đề trước khi sinh viên tiếp cận với khối kiến thức chuyên ngành.

Môn học/Course Name: **Đại cương văn hóa Việt Nam**

Mã môn học/Course Code: VIET6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về văn hoá Việt Nam. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn văn hoá của dân tộc mình để từ đó nhận thức đúng những giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam. Nhìn lại bản sắc và tính cách văn hóa của dân tộc để bảo tồn, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, 

đậm đà bản sắc dân tộc.

Môn học/Course Name: **An sinh xã hội**

Mã môn học/Course Code: SWOR6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ sở để có thể học tốt các môn chuyên ngành như CTXH cá nhân, CTXH nhóm, Phát triển cộng đồng,... Môn học đề cập về hệ thống an sinh xã hội trên thế giới và tại Việt Nam đồng thời cung cấp cách nhìn khái quát hơn, toàn diện hơn, đầy đủ hơn và khoa học hơn để giải thích, diễn giải bối cảnh hình thành một số vấn đề xã hội mà xã hội Việt Nam đang đối mặt như các vấn đề của người cao tuổi, người khuyết tật, ma túy, ma túy, nghèo đói, di dân lao động,...

Môn học/Course Name: **Nhân học đại cương**

Mã môn học/Course Code: SOCI6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Nhân học đại cương mà môn học nền tảng dành cho sinh viên các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề cơ bản nhất liên quan đến cuộc sống con người như quá trình tiến hóa của loài người về mặt sinh học và văn hóa; các giá trị do con người tạo ra và tác động mạnh mẽ đến xã hội loài người như văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ...; các tổ chức xã hội mà con người là thành viên như tộc người, các hiệp hội, thân tộc – hôn nhân – gia đình... Nhân học xem xét tất cả các vấn đề đó đã tác động đến cuộc sống con người trong các xã hội khác nhau như thế nào.

Thông qua môn học, sinh viên sẽ có kiến thức tổng quát về con người dưới cách tiếp cận toàn diện của Nhân học để có nền tảng kiến thức học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo.

Môn học/Course Name: **Pháp luật đại cương**

Mã môn học/Course Code: GLAW6301

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật đại cương là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học trình bày những khái niệm cơ bản về Nhà nước và

pháp luật, bao gồm: Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, chức năng của Nhà nước, kiểu nhà nước, hình thức nhà nước và phân tích cấu trúc của bộ máy Nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy Nhà nước Việt Nam; Nguồn gốc, bản chất, đặc điểm của pháp luật, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, ý thức và thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, và Hình thức pháp luật; Giới thiệu khái quát về hệ thống pháp luật và các ngành luật trong hệ thống Pháp luật của Nhà nước Việt Nam, trình bày những nội dung cơ bản của Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật dân sự và Luật Tố tụng dân sự, Luật lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, pháp luật Phòng chống tham nhũng.

Môn học/Course Name: **Lý luận nhà nước và pháp luật**

Mã môn học/Course Code: BLAW6301

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Lý luận nhà nước và pháp luật là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học này trang bị cho sinh viên những lý thuyết về nguồn gốc, bản chất và kiểu nhà nước; chức năng, hình thức và bộ máy nhà nước; nguồn gốc, bản chất và kiểu pháp luật; chức năng và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; ý thức pháp luật; thực hiện và áp dụng pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

Môn học/Course Name: **Giải tích**

Mã môn học/Course Code: MATH6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học được tổ chức giảng dạy trong năm thứ nhất của chương trình đào tạo Đại học. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về hàm số, đạo hàm, ứng dụng của đạo hàm, tích phân, ứng dụng của tích phân, phương trình vi phân, chuỗi và hàm nhiều biến số.

Môn học này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp, phân tích, suy luận và giải quyết vấn đề.

Môn học/Course Name: **Đại số tuyến tính**

Mã môn học/Course Code: MATH6302

Số tín chỉ: 3

my

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này được tổ chức giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của chương trình đào tạo Đại học. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính, Không gian véctơ, Giá trị riêng, vectơ riêng, chéo hóa ma trận, dạng toàn phương và một số ứng dụng thực tế.

Qua môn học này rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổng hợp, phân tích, suy luận và giải quyết vấn đề.

Môn học/Course Name: **Xác suất và thống kê**

Mã môn học/Course Code: MATH6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt: Môn học này thuộc phần kiến thức nền tảng, có vai trò cung cấp kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê làm cơ sở cho các môn chuyên ngành và có thể vận dụng trong cuộc sống. Nội dung môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng bao gồm: xác suất, luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, thống kê mô tả, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết và hồi qui tuyến tính đơn, và phần mềm xử lý thống kê R ở mức độ cơ bản.

Môn học/Course Name: **Thống kê ứng dụng**

Mã số môn học/Course Code: BADM6302

Số tín chỉ: 3


Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Thống kê ứng dụng là môn học cơ sở. Mục đích của môn học là trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về ứng dụng thống kê trong các lĩnh vực chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính ngân hàng và kinh tế. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê mô tả và thống kê suy diễn như: ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan, hồi qui tuyến tính đơn giản, phương pháp phân tích tăng trưởng và chi số, biết cách thực hiện một cuộc điều tra thống kê và viết và trình bày báo cáo phân tích thống kê.

Môn học/Course Name: **Logic học**

Mã môn học/Course Code: ACCO6317

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: 

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Logic học, sự hình thành và phát triển của logic học. Hoàn tất môn học, sinh viên hiểu rõ các quy luật cơ bản và các hình thức của tư duy, giúp sinh viên hình thành tư duy logic, sử dụng từ và câu chính xác trong diễn đạt ý tưởng, đồng thời sinh viên có khả năng suy luận, phán đoán, chứng minh hoặc bác bỏ vấn đề một cách thuyết phục, chặt chẽ và nhất quán.

Môn học/Course Name: **Tư duy phản biện**

Mã môn học/Course Code: BLAW6303

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không


Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Tư duy phản biện là môn học trong khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm giúp sinh viên rèn luyện sự nhạy bén trong việc phát hiện và nhận diện các tình huống có vấn đề, xử lý các thông tin, phân tích, lập luận, tổng hợp, so sánh, đánh giá các tình tiết, giải quyết, ra quyết định về các vấn đề một cách đúng đắn, rõ ràng, chủ động, sáng tạo và hiệu quả. Trên cơ sở này, sinh viên có thể phân biệt đúng sai, tránh những sai lầm, thiếu sót khi học tập, làm việc trong mọi ngành nghề và các lĩnh vực khác nhau. Trong suốt thời gian học tập, sinh viên sẽ vận dụng những khái niệm, nguyên lý, quy tắc và những kỹ năng tư duy, lập luận để giải quyết những vấn đề của bản thân hoặc xã hội quan tâm. Môn học này trình bày các nội dung chính như sau (i) Những khái niệm về tư duy, (ii) Những hình thức tư duy, (iii) Những quy luật căn bản của tư duy, (iv) Chứng minh – bác bỏ - ngụy biện, (v) Kỹ năng tư duy và lập luận.

Môn học/Course Name: **Hóa đại cương**

Mã môn học/Course Code: CHEM6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Hóa đại cương là môn học thuộc khối Kiến thức cơ sở của ngành Công nghệ sinh học. Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, phản ứng hóa học, liên kết hóa học, các loại hệ - pha,... làm cơ sở để sinh viên tiếp thu các môn học cơ sở ngành và chuyên ngành sau này. Môn học có phần thực hành giúp sinh viên làm quen với các thiết bị (pH kế, tủ sấy, bồn điều nhiệt...), dụng cụ (erlen, becher, ống nghiệm, pipet, buret,...) trong phòng thí nghiệm, từ đó sử dụng các dụng cụ, thiết bị phục vụ cho học tập và nghiên cứu sau này. 

Môn học/Course Name: **Sinh học đại cương**

Mã môn học/Course Code: BIOT6201

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Sinh học đại cương là môn học nền tảng cho ngành học Công nghệ sinh học, sẽ được học đầu tiên trong chương trình, nhằm giúp sinh viên có các kiến thức cốt lõi về các đối tượng sinh học, chú trọng đến phân loại của thực vật, động vật, sự tiến hoá của sinh giới và đa dạng sinh học. Trên cơ sở nền tảng của Sinh học đại cương, sinh viên sẽ học các môn học như: Sinh lý thực vật, Sinh lý động vật, Di truyền học, và rất nhiều các môn học ngành.

Môn học/Course Name: **Con người và môi trường**

Mã môn học/Course Code: BIOT6335

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Hóa đại cương

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường và các thành phần môi trường, hệ thống pháp luật về quản lý môi trường và đặc biệt là mối quan hệ của con người với môi trường và sự phát triển của người đã tác động đến các thành phần của môi trường như thế nào cũng như là các vấn đề môi trường mà nhân loại đang đối mặt.

Môn học/Course Name: **Tin học đại cương**


Mã môn học/Course Code: COMP6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của các ngành, trừ các ngành Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quản lý.

Môn Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên không chuyên các ngành Công nghệ thông tin những kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin đồng thời trang bị các kỹ năng cơ bản trong sử dụng máy vi tính, sử dụng các phần mềm ứng dụng thông dụng trong văn phòng, có năng lực làm việc độc lập, có đạo đức và trách nhiệm trong sử dụng Công nghệ thông tin.

Sinh viên học và đạt môn Tin học đại cương sẽ đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn 

kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động đánh giá kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin.

Môn học/Course Name: **Tin học ứng dụng**

Mã môn học/Course Code: COMP6302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả tóm tắt/**COURSE DESCRIPTION**: Môn học Tin học Ứng dụng trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, hiểu được ý nghĩa và vai trò của cơ sở dữ liệu, kiến thức về cơ sở dữ liệu quan hệ, sử dụng được hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ Microsoft Access mức độ căn bản để tạo cơ sở dữ liệu, truy vấn dữ liệu, tạo giao diện người dùng và tạo báo cáo.

Sinh viên học và đạt môn học Tin học ứng dụng sẽ đạt yêu cầu của Mô đun kỹ năng 10 (Mã IU10: Sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu) theo thông tư số 03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động đánh giá kỹ năng sử dụng CNTT.

Môn học/Course Name: **Nhập môn tin học**

Mã môn học/Course Code: ITEC6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: không

Mô tả tóm tắt/Course description: Nhập môn Tin học là môn học đầu tiên của chương trình đào tạo Đại học khối ngành Công nghệ thông tin (CNTT).

Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quát về ngành học, khái quát về lịch sử phát triển và hình thành của khối ngành CNTT, các kiến thức cơ bản về tin học cơ sở như: cấu trúc và hoạt động của máy vi tính, biểu diễn dữ liệu trong máy tính, các hệ đếm thông dụng, khái niệm hệ điều hành, mạng máy tính cơ bản.

Môn học cung cấp kiến thức làm nền tảng cho sinh viên sử dụng tốt phần mềm tin học văn phòng (soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, soạn thảo trình diễn). Bên cạnh đó môn học cũng giới thiệu khái quát các nghề nghiệp có liên quan khối ngành CNTT tới sinh viên.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 1**

Mã môn học/Course Code: GENG1339

Số tín chỉ: 3

my

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Tiếng Anh Nâng Cao 1 là môn học đầu tiên trong chương trình tiếng Anh nâng cao, giúp sinh viên đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ đầu ra B1 – trình độ trung cấp. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng Tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp, với nội dung gồm những kiến thức phổ quát về thế giới.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 2**

Mã môn học/Course Code: GENG1340

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 2 trong chương trình tiếng Anh nâng cao dành cho sinh viên không chuyên ngữ. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng) và phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết) để sinh viên có thể tự giới thiệu về mình và giao tiếp bằng tiếng Anh trong các tình huống thông thường. Học phần được tăng cường tiết học qua mạng (online) nhằm nâng cao tính tự học của sinh viên.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 3**

Mã môn học/Course Code: GENG1341

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:


Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 3 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 4**

Mã môn học/Course Code: GENG1342

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 4 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh 

nâng cao 3. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 5**

Mã môn học/Course Code: GENG1343

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 5 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 4. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 6**

Mã môn học/Course Code: GENG1344

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 6 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 5. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đời thực và phát triển tư duy phản biện (Critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 7**

Mã môn học/Course Code: GENG1345

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 6 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 8. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống

đòi thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 8**

Mã môn học/Course Code: GENG1346

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 8 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 7. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đòi thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 9**

Mã môn học/Course Code: GENG1347

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:


Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 9 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 8. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đòi thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng.

Môn học/Course Name: **Tiếng Anh nâng cao 10**

Mã môn học/Course Code: GENG1348

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là học phần thứ 10 cấp độ nâng cao trong chương trình tiếng Anh tổng quát không chuyên dành cho sinh viên đã hoàn thành môn Tiếng Anh nâng cao 9. Nội dung môn học nhằm trang bị kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (ngữ pháp và từ vựng), phát triển 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết), sử dụng tiếng Anh trong các tình huống đòi thực và phát triển tư duy phản biện (critical thinking). Học phần bao gồm thời lượng lên lớp và tự học qua mạng. 

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 1**

Mã môn học/Course Code: PEDU0201

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Giáo dục thể chất 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết giúp sinh viên biết sử dụng bài tập thể dục làm phương tiện để rèn luyện nâng cao sức khỏe, khả năng phối hợp vận động và phát huy cái đẹp của cơ thể.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**

Mã môn học/Course Code: PEDU0202

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học giáo dục thể chất 2- Bóng chuyền thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyền như: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ - chiến thuật và các bài tập phát triển thể lực, cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**

Mã môn học/Course Code: PEDU0203

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Giáo dục thể chất 2- Bóng đá thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng đá: Lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu bóng đá.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**

Mã môn học/Course Code: PEDU0204

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Giáo dục thể chất 2 – Cầu lông thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức cơ bản của môn cầu lông. Giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu cầu lông.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Võ thuật**

Mã môn học/Course Code: PEDU0205

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học giáo dục thể chất 02 - Võ thuật thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về võ thuật, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe đồng thời trang bị cho những kỹ năng, kỹ thuật Võ tự vệ gắn liền với cuộc sống hàng ngày.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng bàn**

Mã môn học/Course Code: PEDU0206

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:


Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học giáo dục thể chất 2- *Bóng bàn* thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn bóng bàn như: Lịch sử hình thành và phát triển môn bóng bàn, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ - chiến thuật và các bài tập phát triển thể lực, cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong tập luyện và thi đấu bóng bàn.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Bơi lội**

Mã môn học/Course Code: PEDU0207

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học *Giáo dục thể chất 2- Bơi lội* thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học trang bị cho sinh viên một số kiến thức và kỹ năng và thái độ cần thiết, giúp sinh viên hiểu biết về ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện Bơi lội, các bài tập kỹ thuật bơi ếch và cách sử dụng có hiệu quả 

các bài tập đó trong cuộc sống nhằm nâng cao sức khỏe và đề phòng tai nạn trong môi trường nước.

Môn học/Course Name: **Giáo dục thể chất 2 - Bóng rổ**

Mã môn học: PEDU0208

Số tín chỉ: 1.5

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Giáo dục thể chất 2 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo của tất cả các khoa. Môn học nhằm trang bị và cung cấp kiến thức cơ bản của môn bóng rổ. Giới thiệu lịch sử hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện, kỹ thuật chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu, các bài tập phát triển thể lực, bài tập chiến thuật trong thi đấu bóng rổ.

Môn học/Course Name: **Giáo dục quốc phòng và an ninh: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam**

Mã môn học/Course Code: DEDU0301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh - Học phần Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong 04 môn học thuộc Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.


Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, những kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình hiện nay.

Môn học/Course Name: **Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh**

Mã môn học/Course Code: DEDU0202

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Công tác quốc phòng và an ninh là một trong 04 môn học thuộc Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh. 

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức chính sách pháp luật nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

Môn học/Course Name: **Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung**

Mã môn học/Course Code: DEDU0103

Số tín chỉ: 1

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Quân sự chung là một trong 04 môn học thuộc chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quân sự chung trong quân đội nhân dân Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**

Mã môn học/Course Code: DEDU0204

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một trong 04 môn học thuộc chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh. Hoàn thành nội dung môn học này sẽ là một trong những điều kiện để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh.


Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác.

Môn học/Course Name: **Luật Hiến pháp**

Mã môn học/Course Code: BLAW6325

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Hiến pháp là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học gồm 2 phần (phần 1- Khái quát chung về Luật Hiến pháp, phần 2 giới thiệu Một số chế định của Ngành luật Hiến pháp), trang bị kiến thức liên quan đến những nhóm quan hệ pháp luật cơ bản nhất được điều chỉnh bởi Luật Hiến pháp. 

Những nội dung chính: Ngành luật Hiến pháp và Khoa học luật Hiến pháp; Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam; chế độ chính trị, kinh tế, chế độ bầu cử của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và quốc tịch Việt Nam. Đặc biệt, môn học giới thiệu tổng quan về bộ máy nhà nước và làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan hiến định trong bộ máy nhà nước Việt Nam: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Hội đồng Bầu cử quốc gia và Kiểm toán nhà nước.

Môn học/Course Name: **Luật hành chính**

Mã môn học/Course Code: BLAW6326 Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Hành chính là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành, giúp sinh viên cách nhận diện, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề từ lý thuyết đến thực tiễn của hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Cụ thể, môn học này sẽ nghiên cứu các nội dung chính như Tổng quan về Luật Hành chính, Chủ thể của Luật Hành chính, Các hình thức và phương pháp quản lý hành chính và biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

Môn học/Course Name: **Luật hình sự**

Mã môn học: BLAW6327

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Hình sự là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này bao gồm phần chung và phần các tội phạm. Phần chung của Luật hình sự là những quy định về khái niệm tội phạm và những vấn đề liên quan đến việc xác định tội phạm; khái niệm về hình phạt và những vấn đề liên quan đến xác định hình phạt. Các quy định của Phần Chung mang tính nguyên tắc ứng dụng chung cho việc giải quyết vụ án hình sự đối với tất cả các tội phạm, mang tính định hướng nguyên tắc xác định những vấn đề nội dung của vụ án. Phần Các tội phạm trang bị cho sinh viên kiến thức về tội phạm cụ thể, gồm các bài học về các nhóm tội phạm như các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người, các tội xâm phạm sở hữu, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về chức vụ.

Môn học/Course Name: **Luật Dân sự 1**

Mã môn học/Course Code: BLAW6328

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Dân sự 1 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này giải quyết các vấn đề liên quan đến quy định chung của luật dân sự như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, vị trí của luật dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành, nguồn của luật dân sự, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu; các vấn đề liên quan đến tài sản, quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và thừa kế.

Môn học/Course Name: **Luật Dân sự 2**

Mã môn học/Course Code: BLAW6329

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Dân sự 1

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Dân sự 2 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức pháp luật cơ bản về nghĩa vụ, các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ, hợp đồng, các loại hợp đồng thông dụng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Môn học/Course Name: **Luật Tố tụng dân sự**

Mã môn học/Course Code: BLAW6309

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Dân sự 1, 2

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Tố tụng dân sự là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này hướng tới nghiên cứu quan hệ pháp luật về tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết các vụ việc dân sự. Nội dung môn học bao gồm các vấn đề chủ yếu sau: Tổng quan về Luật Tố tụng dân sự, Thẩm quyền dân sự của Tòa án, Chứng cứ và chứng minh, Biện pháp khẩn cấp tạm thời, Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự và Thủ tục giải quyết việc dân sự.

Môn học/Course Name: **Luật Tố tụng Hình sự**

Mã môn học/Course Code: BLAW6201

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật Hình sự 

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Tố tụng Hình sự là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học có hai nội dung cơ bản: Những vấn đề lí luận chung về TTHS và các giai đoạn tố tụng cụ thể trong việc giải quyết vụ án hình sự. Môn học này nghiên cứu các vấn đề về khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS; các quy định của pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong TTHS; những quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về các loại hình thương nhân (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5306

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Dân sự 1

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về các loại hình thương nhân là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Môn học này bao gồm những kiến thức pháp luật về các loại hình thương nhân như thành lập, góp vốn, đăng ký kinh doanh, đặc điểm pháp lý, tổ chức quản lý, tổ chức lại và giải thể của các loại hình thương nhân (doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hộ kinh doanh và hợp tác xã).

Môn học/Course Name: **Pháp luật về hoạt động thương mại (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5315

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Dân sự 2; Pháp luật về các loại hình thương nhân

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về hoạt động thương mại là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Nội dung kiến thức pháp luật về hoạt động thương mại bao gồm (i) Khái niệm, đặc điểm về hoạt động thương mại, thương nhân; (ii) Hoạt động mua bán hàng hóa trong nước; (iii) Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế; (iv) Hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch; (v) Các hoạt động dịch vụ như: logistics, giám định, quá cảnh, hoạt động trung gian thương mại, xúc tiến thương mại và một số hoạt động thương mại khác và (vi) Chế tài trong thương mại.

Môn học/Course Name: **Phá sản và giải quyết tranh chấp (tiếng Anh)**



Mã môn học/Course Code: BLAW5201

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân; Pháp luật về hoạt động thương mại

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Nội dung của môn học này bao gồm 2 nhóm vấn đề: (i) Trình bày các dấu hiệu pháp lý nhận diện phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã, đối tượng và phạm vi áp dụng luật phá sản, các chủ thể trong giải quyết phá sản và các quy định pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. (ii) Xác định tranh chấp thương mại và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại được áp dụng trong thực tiễn hiện nay. Trong đó tập trung trình bày các nội dung chi tiết về các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại được luật định và có tính đặc thù trong lĩnh vực thương mại như: hòa giải thương mại và trọng tài thương mại.

Môn học/Course Name: **Luật Đất đai**

Mã môn học/Course Code: BLAW6310

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật hành chính


Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Đất đai là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Nội dung môn học sẽ sơ lược quá trình hình thành và phát triển của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở Việt Nam qua các thời kỳ, quá trình hình thành và phát triển của Luật Đất đai, đi sâu nghiên cứu vào nội dung từng chế định quan trọng của Luật Đất đai. Cụ thể, nội dung môn học bao gồm các vấn đề sau: (i) Những vấn đề lý luận chung về Luật Đất đai, (ii) Hoạt động quản lý thông tin, dữ liệu và tài chính về đất đai, (iii) Hoạt động điều phối đất đai, (iv) Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất và (v) Cơ chế bảo đảm thi hành các quy định của Luật Đất đai.

Môn học/Course Name: **Công pháp quốc tế (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5308

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Công pháp quốc tế là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Luật quốc tế để hiểu rõ các đặc trưng cơ bản của Luật quốc tế (khái niệm, thuật ngữ của Luật quốc tế 

tế, các chủ thể tham gia quan hệ pháp Luật quốc tế, những quan hệ quốc tế mà ngành luật này điều chỉnh...); các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế; các loại nguồn của Luật quốc tế; những vấn đề cơ bản của quốc gia và các vấn đề dân cư, lãnh thổ, tranh chấp quốc tế và giải quyết tranh chấp quốc tế. Nội dung chính của môn học này bao gồm: (i) Lý luận chung về Luật quốc tế, (ii) Các nguyên tắc cơ bản của Luật quốc tế, (iii) Nguồn của Luật quốc tế, (iv) Quốc gia trong Luật quốc tế, (v) Dân cư trong Luật quốc tế, (vi) Lãnh thổ và biên giới quốc gia trong Luật quốc tế và (vii) Luật Ngoại giao và Lãnh sự.

Môn học/Course Name: **Tư pháp quốc tế**

Mã môn học/Course Code: BLAW6330

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật dân sự 1, 2, Luật tố tụng dân sự, Luật sở hữu trí tuệ, Luật Lao động

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Tư pháp quốc tế là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Môn học cung cấp kiến thức liên quan đến việc giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ pháp luật dân sự, thương mại và tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài, rèn luyện kỹ năng phân tích tình huống pháp lý trong thực tiễn và xác định nguồn luật áp dụng để giải quyết tình huống, hình thành năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm. Nội dung chính của môn này bao gồm (i) Tư cách chủ thể cá nhân, tổ chức có yếu tố nước ngoài, (ii) Xung đột về thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự, (iii) Xung đột pháp luật, (iv) Công nhận và thi hành bản án, quyết định của Tòa án, trọng tài nước ngoài, (v) Những chế định của các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng soạn thảo văn bản**

Mã môn học/Course Code: BLAW6202

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật hành chính

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Kỹ năng soạn thảo văn bản là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiến thức và kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng cùng với một số loại đơn thường gặp trong thực tiễn cuộc sống, công tác.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý**

Mã môn học/Course Code: BLAW6203

Số tín chỉ: 2 *my*

Môn học trước: Luật Dân sự 1, 2, Luật Hình sự

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về lập luận, giải quyết tình huống pháp lý và nghiên cứu đề tài khoa học pháp lý. Trên cơ sở này, sinh viên có thể vận dụng vào hoạt động học tập, làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực pháp lý.

Môn học/Course Name: **Luật Hôn nhân và gia đình**

Mã môn học/Course Code: BLAW6204

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật dân sự 1,2

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Hôn nhân và gia đình là môn học tự chọn trong khối kiến thức ngành. Môn học này cung cấp các kiến thức tổng quát về cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, cụ thể như quy định về kết hôn, quy định về quan hệ giữa vợ và chồng, quy định về quan hệ giữa cha, mẹ và con, nghĩa vụ cấp dưỡng của các thành viên trong gia đình và chấm dứt hôn nhân.

Môn học/Course Name: **Luật thi hành án dân sự**

Mã môn học/Course Code: GLAW6303

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Tố tụng dân sự

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Thi hành án dân sự là môn học tự chọn trong khối kiến thức ngành. Môn học này đề cập đến các vấn đề chung của pháp luật về thủ tục thi hành án dân sự; biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự; phí và chi phí thi hành án dân sự; khiếu nại, tố cáo, kháng nghị và xử lý vi phạm về thi hành án dân sự.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về giao dịch bảo đảm**

Mã môn học/Course Code: GLAW6205

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật dân sự 1,2

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về giao dịch bảo đảm là môn học tự chọn trong khối kiến thức ngành. Môn học này bao gồm các nội dung cơ bản sau: (i) Những quy định chung về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (ii) Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (iii) Pháp luật về hợp đồng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (iv) Pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm; (v) Pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm. *my*

Môn học/Course Name: **Luật Lao động**

Mã môn học/Course Code: BLAW6302

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Dân sự 2

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Lao động là môn học bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Nội dung chính của môn học này bao gồm Phạm vi điều chỉnh của Luật lao động, những nguyên tắc và nguồn của luật lao động; quan hệ pháp luật lao động; hệ thống ngành luật lao động; cơ chế ba bên và vai trò của nhà nước trong lãnh vực lao động; tiêu chuẩn lao động quốc tế; Khái niệm, phân loại tranh chấp lao động, những ảnh hưởng của tranh chấp lao động đối với quan hệ lao động xã hội; những nguyên tắc giải quyết và cơ chế pháp luật giải quyết tranh chấp lao động.

Môn học/Course Name: **Luật Thuế**

Mã môn học/Course Code: BLAW6311

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Thuế là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung chính của môn học này bao gồm (i) Những vấn đề lý luận về thuế và pháp luật thuế, (ii) Pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, (iii) Pháp luật thuế tiêu thụ đặc biệt, (iv) Pháp luật thuế giá trị gia tăng, (v) Pháp luật thuế thu nhập, (vi) Pháp luật thuế liên quan đến đất đai, (vii) Pháp luật thuế khác gồm thuế tài nguyên, thuế môn bài và thuế bảo vệ môi trường, (viii) Pháp luật quản lý thuế và (ix) xử lý vi phạm. Mục đích của môn luật thuế giúp sinh viên có những kiến thức pháp luật trong lĩnh vực thuế để vận dụng vào các công việc thực tế như: Thanh tra thuế, thực hiện các công việc của cán bộ Hải quan, cán bộ thuế theo đúng pháp luật, tư vấn về kê khai, quản lý thuế, thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động đăng ký, kê khai, nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật.

Môn học/Course Name: **Luật Thương mại quốc tế (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5303

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Tư pháp quốc tế

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Thương mại quốc tế là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung chính của môn học này bao gồm (i) Các thiết chế thương mại trong thương mại quốc tế, (ii) Quy chế pháp lý trong thương mại hàng

hóa, dịch vụ quốc tế, (iii) Các biện pháp phòng vệ thương mại, (iv) Hợp đồng thương mại quốc tế, (v) Giải quyết tranh chấp trong hợp đồng thương mại quốc tế.

Môn học/Course Name: **Luật Sở hữu trí tuệ**

Mã môn học/Course Code: BLAW6312

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật dân sự 1, 2

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Sở hữu trí tuệ là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này cung cấp những kiến thức về đối tượng được bảo hộ bằng quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng), điều kiện cần đáp ứng để được bảo hộ, chủ thể được bảo hộ, nội dung bảo hộ, việc chuyển giao quyền và các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Môn học/Course Name: **Luật Cạnh tranh**

Mã môn học/Course Code: BLAW6331

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân; Pháp luật về hoạt động thương mại.

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Cạnh tranh là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung chính của môn học này bao gồm Kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh (chống độc quyền), hành vi cạnh tranh không lành mạnh; cơ quan quản lý cạnh tranh; điều tra xử lý vụ việc cạnh tranh; cơ quan và người tham gia tố tụng cạnh tranh; điều tra và xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh.

Môn học/Course Name: **Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 1**

Mã môn học/Course Code: BLAW6205

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật tố tụng dân sự

Mô tả tóm tắt/Course description: Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 1 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Luật Kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh dành cho sinh viên năm thứ hai. Môn học được thiết kế gồm 2 tín chỉ thực hành và 2 tín chỉ tự học.

Từ việc tích lũy kết hợp kiến thức lý thuyết chương trình đào tạo của Luật kinh tế, mỗi sinh viên năm thứ 2 chọn doanh nghiệp, đơn vị phù hợp theo định hướng của giảng viên để

tìm hiểu môi trường làm việc và ứng dụng các kiến thức đã học để thực hiện những công việc thực tế tại mỗi cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị nhận kiến tập. Môn học giúp người học tiếp cận thực tiễn, giúp người học nâng cao khả năng xử lý và thực hiện các công việc trong thực tiễn bằng các kiến thức đã học. Môn học được tổ chức trong 12 tuần thực hành tại cơ quan, doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực luật kinh tế. Sau đó, sinh viên viết bài thu hoạch thể hiện được những nội dung sau: Thông tin đơn vị nhận kiến tập, mô tả công việc thực hiện, đính kèm theo minh chứng (hồ sơ, tài liệu, thông tin đã được nghiên cứu). Từ kết quả của bài thu hoạch và ý kiến nhận xét của đơn vị nhận kiến tập, giảng viên phụ trách đánh giá kết quả kiến tập của sinh viên.

Môn học/Course Name: **Thực hành nghề nghiệp ngành Luật kinh tế 2**

Mã môn học/Course Code: BLAW6206

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật tố tụng dân sự

Mô tả tóm tắt/Course description: Thực hành nghề nghiệp ngành Luật Kinh tế 2 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương, kiến thức ngành, chuyên ngành. Từ việc tích lũy kết hợp kiến thức lý thuyết về một số ngành luật cơ bản trong chương trình đào tạo của ngành Luật, mỗi sinh viên năm thứ 3 được giảng viên tư vấn lựa chọn cơ quan, đơn vị phù hợp theo định hướng nghề nghiệp để tìm hiểu môi trường làm việc thực tiễn và ứng dụng các kiến thức đã học để thực hiện những công việc thực tế tại mỗi cơ quan, đơn vị tiếp nhận kiến tập. Qua đó, giúp người học tiếp cận thực tiễn, thực hành kỹ năng xử lý và thực hiện các công việc trong thực tiễn pháp lý bằng các kiến thức đã học.

Môn học/Course Name: **Luật môi trường**

Mã môn học/Course Code: BLAW6332

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật hành chính

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Môi trường là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này được xác lập nhằm giúp sinh viên có các kiến thức cốt lõi về Luật Môi trường Việt Nam và Luật quốc tế về Môi trường. Kiến thức trang bị làm cơ sở cho việc nghiên cứu, ứng dụng các quy định của Luật Môi trường vào thực tiễn cuộc sống, lao động, sản xuất, kinh doanh. Cụ thể, môn học này bao gồm những nội dung cơ bản sau: (i) Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; (ii) Pháp luật về sử

dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn di sản; (iii) Các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và (iv) Những kiến thức cơ bản về vấn đề môi trường toàn cầu và những quyền lợi, trách nhiệm của Việt Nam đối với thế giới trong lĩnh vực môi trường.

Môn học/Course Name: **Luật đầu tư (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5316

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Đầu tư là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này có những nội dung chính sau: (i) Tổng quan về đầu tư và pháp luật đầu tư, (ii) Các biện pháp bảo đảm đầu tư và pháp luật đầu tư, (iii) Các hoạt động đầu tư kinh doanh, (iv) Thủ tục đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư và triển khai dự án đầu tư, (v) Hoạt động đầu tư ra nước ngoài và (vi) Đầu tư công và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Môn học/Course Name: **Luật Ngân hàng**

Mã môn học/Course Code: BLAW6208

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Ngân hàng là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Những nội dung chính của môn học này bao gồm Những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng; địa vị pháp lý của ngân hàng nhà nước; địa vị pháp lý của các tổ chức tín dụng; pháp luật về quản lý tiền tệ và ngoại hối; pháp luật về tín dụng và ngân hàng; pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán của các ngân hàng.

Môn học/Course Name: **Kỹ năng soạn thảo hợp đồng (Tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BLAW5304

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật dân sự 2; Pháp luật về hoạt động thương mại và giải quyết tranh chấp

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Kỹ năng soạn thảo hợp đồng là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này giới thiệu khái niệm hợp đồng, các hình thức của hợp đồng, các loại hợp đồng dân sự, thương mại phổ biến phát sinh trong thực tiễn. Tùy thuộc vào từng loại hợp đồng khác nhau, người học sẽ được giới thiệu cách đặt tên

cho mỗi hợp đồng, nhận diện được quyền và nghĩa vụ của các bên trong một hợp đồng cụ thể, các điều khoản cơ bản cần có của hợp đồng đó, cách thức trình bày các điều khoản đó và một số kỹ năng khi soạn thảo một hợp đồng cụ thể nào đó.

Môn học/Course Name: **Luật kinh doanh bảo hiểm**

Mã môn học/Course Code: BLAW6209

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân; Pháp luật về hoạt động thương mại

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Kinh doanh bảo hiểm là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về những nội dung như (i) Những quy định chung pháp luật về kinh doanh bảo hiểm: chủ thể trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, điều kiện kinh doanh bảo hiểm, nguyên tắc hoạt động kinh doanh bảo hiểm, phương thức giải quyết tranh chấp trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm...; (ii) Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm con người; (iii) Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tài sản; (iv) Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự; (v) Quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Môn học/Course Name: **Luật kinh doanh bất động sản**

Mã môn học/Course Code: BLAW6333

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật dân sự 1, Luật dân sự 2


Môn học tiên quyết: Luật Đất đai

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Kinh doanh bất động sản là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này cung cấp các kiến thức tổng quát về cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, bao gồm kinh doanh các loại bất động sản có sẵn, bất động sản hình thành trong tương lai, và những dịch vụ liên quan đến bất động sản, như: môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về xuất nhập khẩu**

Mã môn học/Course Code: BLAW6210

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về hoạt động thương mại 

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về xuất nhập khẩu là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này có các nội dung chính sau: (i) Quản lý nhà nước về xuất nhập khẩu, (ii) Hệ thống thủ tục hải quan, (iii) Các biện pháp hành chính trong xuất nhập khẩu, (iv) Tính chấp pháp lý của một số chứng từ cơ bản và (v) Thanh toán và giao nhận trong xuất nhập khẩu.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán**

Mã môn học/Course Code: BLAW6211

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về các loại hình thương nhân

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này bao gồm các nội dung cơ bản sau: (i) Những vấn đề lý luận cơ bản của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; (ii) Địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia vào thị trường chứng khoán; (iii) Pháp luật về chào bán chứng khoán; (iv) Pháp luật về hoạt động giao dịch trên thị trường chứng khoán và (v) Quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Môn học/Course Name: **Luật thương mại điện tử**

Mã môn học/Course Code: BLAW6212

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Pháp luật về hoạt động thương mại

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Thương mại điện tử là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này giới thiệu khái quát về pháp luật thương mại điện tử, hợp đồng thương mại điện tử, pháp luật điều chỉnh của website thương mại điện tử, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử.

Môn học/Course Name: **Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng**

Mã môn học/Course Code: GLAW6304

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Luật Tố tụng dân sự; Luật Tố tụng hình sự; Luật hành chính

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật về luật sư, kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng là môn học tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Môn học này hướng tới nghiên cứu nghề nghiệp luật sư và các kỹ năng cần thiết khi hành nghề luật. Nội dung môn

học bao gồm các vấn đề chủ yếu như Pháp luật về Luật sư, Kỹ năng tư vấn pháp luật của Luật sư và Kỹ năng tranh tụng của Luật sư.

Môn học/Course Name: **Pháp luật cộng đồng ASEAN**

Mã môn học/Course Code: GLAW6305

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Pháp luật cộng đồng ASEAN là môn học tự chọn trong khối kiến thức ngành. Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và các kiến thức pháp lý chuyên ngành về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN. Cụ thể, nội dung của môn học gồm 5 vấn đề chính như sau: (i) Khái quát về pháp luật Cộng đồng ASEAN, (ii) Pháp luật cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN, (iii) Pháp luật cộng đồng kinh tế ASEAN, (iv) Pháp luật cộng đồng văn hóa – xã hội ASEAN, (v) Các vấn đề pháp lý cơ bản về hợp tác ngoại khối, cơ chế giải quyết tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Luật ngân sách nhà nước**

Mã môn học/Course Code: BLAW6220

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Luật Hành chính

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật Ngân sách nhà nước là môn học tự chọn trong khối kiến thức bổ trợ, giúp sinh viên cách nhận diện, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề từ lý thuyết đến thực tiễn pháp lý của ngân sách nhà nước. Môn học này sẽ trình bày các nội dung chính như Tổng quan về ngân sách nhà nước, Chế độ pháp lý về quản lý ngân sách nhà nước, Quy trình ngân sách nhà nước và Quản lý và xử lý vi phạm về ngân sách nhà nước.

Môn học/Course Name: **Luật tố tụng hành chính**


Mã môn học/Course Code: BLAW6221

Số tín chỉ/Credits: 2

Môn học trước: Luật Hành chính

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học giới thiệu về các loại khiếu kiện hành chính, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong tố tụng hành chính và quy trình giải quyết một khiếu kiện hành chính.

Môn Luật tố tụng hành chính gồm có các nội dung như sau:

- Khái quát về Luật tố tụng hành chính Việt Nam 

- Thẩm quyền giải quyết khiếu kiện hành chính của Tòa án nhân dân
- Chủ thể của tố tụng hành chính
- Chứng minh, chứng cứ và các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng hành chính
- Khởi kiện và thụ lý vụ án hành chính
- Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính
- Phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm vụ án hành chính

Môn học/Course Name: **Luật học so sánh**

Mã môn học/Course Code: BLAW6214

Số tín chỉ: 2

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Luật học so sánh là môn học tự chọn trong khối kiến thức bổ trợ. Môn học này giúp sinh viên nhận biết được các hiện tượng pháp luật, xử lý các thông tin, phân tích, lập luận, đánh giá, giải quyết các vấn đề, xây dựng cơ sở phương pháp luận để nghiên cứu những quy luật xâm nhập pháp luật nước ngoài vào pháp luật quốc gia và tiếp thu giá trị pháp lý, những quy tắc pháp luật giữa các hệ thống pháp luật thế giới. Trên cơ sở này, sinh viên có thể đưa ra các dự báo pháp luật, định hướng và hoàn thiện hơn trong lập pháp; áp dụng xây dựng pháp luật quốc gia trong từng trường hợp, từng giai đoạn phát triển của xã hội; hoàn thiện pháp luật quốc gia trong các lĩnh vực pháp luật; nâng cao nhận thức xã hội trong việc tuân thủ pháp luật (trong quan hệ trong nước và trong quan hệ quốc tế). Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau: (i) Tổng quan về Luật học so sánh, (2) Các hệ thống pháp luật chủ yếu trên thế giới, (3) Hệ thống pháp luật Dân luật (civil law), (iv) Hệ thống pháp luật Thông luật (Common law), (v) Hệ thống pháp luật XHCN, (vi) Hệ thống pháp luật tôn giáo (hồi giáo).

Môn học/Course Name: **Lịch sử nhà nước và pháp luật**

Mã môn học/Course Code: BLAW6316

Số tín chỉ: 3

Môn học trước: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Lịch sử nhà nước và pháp luật là môn học tự chọn trong khối kiến thức bổ trợ. Môn học này cung cấp những kiến thức nền tảng, cơ bản về nhà nước và pháp luật điển hình trên thế giới (từ thời kỳ chiếm hữu nô lệ cho đến giai đoạn xã hội chủ nghĩa) và nhà nước và pháp luật Việt Nam (từ khi mới hình thành cho đến phong

kiến Việt Nam giai đoạn độc lập, tự chủ). Môn học này bao gồm hai nội dung cơ bản là (i) Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới và (ii) Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Nguyên lý kế toán (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: ACCO5301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học trang bị nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán để sinh viên đọc và hiểu được thông tin kế toán và mô tả được qui trình kế toán trong một doanh nghiệp, phục vụ cho việc ra các quyết định về quản lý, tài chính. Ngoài ra, môn học còn trang bị một số kỹ thuật của kế toán như tài khoản, ghi sổ kép, tính giá, ... để thực hành nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp thương mại và doanh nghiệp sản xuất.

Môn học/Course Name: **Quản trị học (tiếng Anh)**

Mã môn học/Course Code: BADM5301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Quản trị học là môn học nền tảng của ngành Quản trị kinh doanh, sẽ được học đầu tiên trong chương trình, giúp sinh viên có các kiến thức cốt lõi về quản trị. Trên cơ sở nền tảng của quản trị học, sinh viên sẽ học các môn học như: Quản trị nhân lực, Quản trị marketing, Quản trị dự án, Quản trị chiến lược, và rất nhiều các môn học ngành và chuyên ngành khác.

Môn học/Course Name: Marketing căn bản

Mã số môn học/Course Code: BADM6322

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này trang bị những kiến thức căn bản về Marketing, nên chủ yếu là giới thiệu các khái niệm trong khoa học marketing để sinh viên có kiến thức nền từ đó học tiếp môn Quản trị marketing, marketing dịch vụ, nghiên cứu marketing..... Để học tốt môn này, sinh viên nên học trước môn Kinh tế vi mô và trang bị những kiến thức tổng quát về kinh tế- xã hội.

Môn học/Course Name: **Hành vi tổ chức**

Mã số môn học/Course Code: BADM6304

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học mô tả những mối liên hệ giữa các hành vi trong tổ chức với công việc của nhà quản lý. Từ đó giúp học viên có thể hiểu được những yếu tố ảnh hưởng đến sự nhận thức của các cá nhân trong tổ chức, giá trị và sự hài lòng của người lao động. Học viên cũng sẽ biết cần phải tổ chức như thế nào để quá trình truyền thông trong tổ chức đạt được hiệu quả. Môn học có quan hệ chặt chẽ với môn Quản trị nhân lực.

Môn học/Course Name: **Kinh tế xây dựng**

Mã môn học/Course Code: CENG6301

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không yêu cầu

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức nền tảng cơ bản về việc so sánh, đánh giá phương án kinh tế kỹ thuật ứng dụng trong ngành xây dựng.

Môn học/Course Name: **Quản trị nhân lực**

Mã số môn học/Course Code: BADM6319

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học quản trị nhân lực cung cấp những kiến thức cơ bản và các công cụ cần thiết về quản lý con người trong một tổ chức. Môn học quản trị nhân lực có mối quan hệ chặt chẽ với môn Quản trị học và Hành vi tổ chức.

Môn học/Course Name: **Phát triển cộng đồng**

Mã môn học/Course Code: SWOR6302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Công tác xã hội nhập môn, An sinh xã hội, Xã hội học đại cương.

Mô tả tóm tắt/Course description: Giúp sinh viên hiểu rõ khái niệm cộng đồng, phát triển cộng đồng và phương pháp tổ chức và phát triển cộng đồng. Hiểu rõ mục đích, nội dung, biện pháp tổ chức và phát triển cộng đồng, chú trọng đặc biệt xây dựng nguồn lực và tạo quyền lực cho cộng đồng để giải quyết các vấn đề hiện tại, tương lai để phát triển bền vững.

Môn học/Course Name: **Giới và phát triển**

Mã môn học/Course Code: SWOR6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Xã hội học đại cương

Mô tả tóm tắt/Course description: Giúp sinh viên có những hiểu biết về giới một cách khoa học và có hệ thống. Sau môn học, sinh viên có thể vận dụng những lý luận cơ bản về Giới và Phát triển để phân tích các vấn đề : giới trong lao động – nghề nghiệp, trong giáo dục, y tế, văn hoá, chính sách xã hội ... Môn học cho thấy vai trò giới trong sự phát triển của xã hội Việt Nam. Môn học cũng đưa ra cách thức lồng ghép Giới trong các chương trình, dự án phát triển nhằm giúp sinh viên có thể tự tham gia hay thực hiện các chương trình phát triển cộng đồng ở Việt Nam.

Môn học/Course Name: **Quan hệ công chúng**

Mã số môn học/Course Code: BADM6320

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Quan hệ công chúng nghiên cứu cách tạo dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa doanh nghiệp với các nhóm công chúng như: khách hàng, nhân viên, các chủ đầu tư, đối tác, giới báo chí, chính phủ và cộng đồng.

Môn học/Course Name: **Giao tiếp liên văn hoá**

Mã môn học/Course Code: SEAS6302


Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Trong bối cảnh toàn cầu hóa với việc gia tăng sự tiếp xúc của cư dân thuộc các nền văn hóa, các quốc gia khác nhau, sinh viên cần được trang bị các kiến thức nền tảng về văn hóa cũng như nhận diện được những ảnh hưởng của văn hóa đến quá trình giao tiếp. Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về văn hóa, mối quan hệ giữa các yếu tố ngôn ngữ, văn hóa, giao tiếp... cũng như những ảnh hưởng của văn hóa đến giao tiếp của những người đến từ các nền văn hóa khác nhau. Qua môn học, sinh viên sẽ hình thành được thái độ tôn trọng sự đa dạng và khác biệt về văn hóa để có thể có cách thức giao tiếp phù hợp trong bối cảnh đa văn hóa của thời kỳ hội nhập.

Môn học/Course Name: **Phát triển sản phẩm CNSH**

Mã môn học/Course Code: BIOT6202

Số tín chỉ: 2 

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Phát triển sản phẩm công nghệ sinh học là môn học tự chọn chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Công nghệ Sinh học. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến việc thiết kế và phát triển các sản phẩm CNSH. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến việc thiết kế và phát triển các sản phẩm CNSH theo nhu cầu thị trường. Các nội dung trình bày mang tính hệ thống, dưới góc độ quản lý như một dự án đa chức năng. Môn học có liên quan chặt chẽ đến những kiến thức về công nghệ, quản lý chất lượng sản phẩm, Marketing, quản trị dự án, quản trị thương hiệu, nghiên cứu thị trường, ... Môn học có ý nghĩa thực tiễn cao, nó đòi hỏi sự kết hợp và vận dụng kiến thức, các nguyên lý để phân tích và giải quyết các tình huống cụ thể của sản xuất và thị trường.

Môn học/Course Name: **Quản lý môi trường**

Mã môn học/Course Code: BIOT6203

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát về các công cụ được sử dụng để quản lý môi trường, giúp sinh viên nắm được hình thức quản lý môi trường ở Việt Nam, cũng như luật bảo vệ Môi trường của Việt Nam. Thông qua môn học, sinh viên có được những khái niệm cơ bản trong lĩnh vực quản lý môi trường cụ thể như chỉ số môi trường, tiêu chuẩn môi trường, quan trắc môi trường. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp những kiến thức tổng quan về môi trường giúp sinh viên có được định hướng tốt sau khi ra trường mình sẽ làm trong lĩnh vực nào của môi trường.

Môn học/Course Name: **Dinh dưỡng người**

Mã môn học/Course Code: BIOT6204

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là môn học nền tảng cung cấp kiến thức cho sinh viên giai đoạn chuyên ngành sau khi đã nắm vững các kiến thức đại cương, giúp sinh viên có kiến thức về dinh dưỡng và sức khỏe. Đồng thời áp dụng kiến thức trong việc xác định cấu trúc cơ thể và nhu cầu dinh dưỡng, xác lập mối quan hệ tương hỗ giữa các thành phần dinh dưỡng cùng tính cân đối về giá trị dinh dưỡng và năng lượng khẩu phần.

Môn học/Course Name: **Thương mại điện tử**

Mã số môn học/Course Code: BADM6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đây là môn học cần thiết cho sinh viên nhóm ngành Quản Trị Kinh Doanh. Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến phương thức kinh doanh trong thời đại công nghệ, tình hình phát triển thương mại điện tử hiện nay, các mô hình thương mại điện tử, hoạt động marketing, thanh toán trực tuyến và các vấn đề bảo an trong thương mại điện tử.

Môn học/Course Name: **Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)**

Mã môn học/Course Code: ACCO6311

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống thông tin doanh nghiệp hướng tích hợp trên môi trường ERP bao gồm quy trình kinh doanh, hoạch định trong tổ chức, dòng số liệu kế toán trên hệ thống và kiểm soát hệ thống. Môn học giới thiệu các khái niệm, thuật ngữ cơ bản và giải thích cho người học những tác động của việc ứng dụng hệ thống ERP vào tổ chức. Bên cạnh đó, người học được tiếp cận với giải pháp ERP cụ thể.

Môn học/Course Name: **Tài chính cá nhân**

Mã môn học/Course Code: FINA6313

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân, quản lý tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng, quản lý tín dụng tiêu dùng và bảo hiểm nhân thọ. Ngoài ra, nó còn trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên về đầu tư tài sản tài chính, thị trường tài chính, cách nghiên cứu môi trường đầu tư, xem xét hai khía cạnh cơ bản trong đầu tư là lợi nhuận và rủi ro cũng như khả năng kiểm soát và hoạch định tương lai tài chính của từng cá nhân.

Môn học/Course Name: **Thuế và hoạt động kinh doanh**

Mã môn học/Course Code: FINA6314

Số tín chỉ: 3 *MM*

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Thuế là một môn học được xây dựng cho sinh viên thuộc các chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, Kế toán – Kiểm toán và Kinh tế - Luật. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức và nền tảng lý luận về mối quan hệ và sự ảnh hưởng của các loại thuế đến hoạt động của doanh nghiệp. Môn học này sẽ bao quát các chủ đề sau: Tổng quan về thuế, sau đó đi sâu vào các loại thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp bao gồm thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập, thuế sử dụng đất, thuế tài nguyên. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên thông tin về Luật Quản lý thuế và những định hướng cải cách thuế.

Môn học/Course Name: **Giao tiếp liên văn hóa**

Mã môn học/Course Code: ENGL5206

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học cung cấp kiến thức tổng quát về lĩnh vực giao tiếp liên văn hóa, có cơ sở lý thuyết được nghiên cứu trên 50 năm trở lại đây. Trọng tâm môn học khai thác các khía cạnh liên quan đến ngôn ngữ và việc học ngôn ngữ trong thời kỳ mở cửa. Nội dung của môn học giúp người học nâng cao khả năng giao tiếp với những người đến từ các nền văn hóa khác thông qua các hoạt động lớp nhằm xây dựng ý thức về sự khác biệt về văn hóa, chấp nhận sự đa dạng, và hòa hợp với cộng đồng quốc tế.

Môn học/Course Name: **Đàm phán trong kinh doanh**

Mã môn học/Course Code: ENGL5209


Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Đàm phán trong kinh doanh là một trong những môn học tự chọn thuộc nhóm kiến thức bổ trợ chuyên ngành Tiếng Anh Thương Mại. Đàm phán là một trong những kỹ năng quan trọng trong kỹ năng giao tiếp. Trên thực tế chúng ta thực hiện rất nhiều cuộc đàm phán thương lượng trong học tập, công việc và trong cuộc sống thường nhật mà đôi khi chúng ta không nhận ra. Đàm phán trong kinh doanh là quá trình bàn bạc, thỏa thuận giữa các bên một cách tự nguyện, trong đó các bên điều chỉnh đề xuất tiêu chí, nguyện vọng của cá nhân hay của tổ chức mình để có thể đạt được mục tiêu mong muốn.

Môn học/Course Name: **Giao tiếp trong kinh doanh**

Mã môn học/Course Code: ENGL5210

Số tín chỉ: 2 

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Giao tiếp nói chung và giao tiếp trong kinh doanh nói riêng là một phần quan trọng không thể thiếu, và có ý nghĩa rất lớn đối với những người trưởng thành, có những tương tác xã hội nhất định. Xuất phát từ thực tế đó, khóa học giao tiếp trong kinh doanh được thiết kế như một khóa học bổ trợ cho chuyên ngành anh văn thương mại của sinh viên khoa ngôn ngữ anh. Môn này có mối quan hệ chặt chẽ với các môn chuyên ngành khác (Nghệ thuật văn phòng, Marketing) và có tác dụng hỗ trợ qua lại cho các môn chuyên ngành bổ trợ khác (Anh ngữ kinh doanh, Anh ngữ nhân dụng, Đàm phán trong kinh doanh, Quan hệ công chúng...). Được soạn thảo từ góc nhìn ngôn ngữ và chia sẻ kinh nghiệm thực tế, khóa học sẽ tập trung vào các vấn đề thực tế như sau: Các thuật ngữ, các câu từ, cấu trúc, tác phong, lễ thói, văn phong trong tất cả các hình thức giao tiếp thương mại, Các lỗi về ngữ pháp, từ vựng có thể gặp phải khi giao tiếp và cách khắc phục, Các đặc điểm, tính chất, ý nghĩa, tầm quan trọng, ảnh hưởng của việc giao tiếp hiệu quả và không hiệu quả trong kinh doanh, môi trường làm việc, Các loại hình, kênh giao tiếp hiệu quả, Cách phân tích đối tượng tiếp nhận thông tin và các lựa chọn kênh truyền tải thông tin đến người nghe, người nhận, Các hình thức giao tiếp bằng văn bản, bằng lời, bằng cử chỉ cơ thể. Kỹ thuật lắng nghe, điều chỉnh tông giọng, thần thái, thái độ để thích ứng được tốt hơn trong môi trường làm việc đa tính cách, đa văn hóa, lối sống.... để từ đó nâng cao kỹ năng giao tiếp và cách nhìn nhận, khả năng lựa chọn đúng thời điểm thời gian, không gian để bắt đầu giao tiếp và giao tiếp có hiệu quả, tận dụng tối đa những lợi ích mà giao tiếp đem lại trong cuộc sống và công việc, Các cách làm việc đội nhóm hiệu quả. Các điều chỉnh, thao tác các kỹ năng nói và viết, cử chỉ điệu bộ khi làm việc nhóm để động viên, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc tập thể. Các phương pháp để làm phối hợp hợp tác khéo léo, nâng cao vị thế trong đội nhóm...., Cách điều phối cuộc họp, kỹ năng thuyết trình, các loại văn bản cần chuẩn bị và cách lưu trữ hồ sơ.

Môn học/Course Name: **Quản trị tài chính (tiếng Anh)**

Mã số môn học/Course Code: FINA5324

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Quản trị tài chính (Finance Management) được thiết kế như là môn học kiến thức ngành nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp cho sinh viên theo học các khối ngành kinh tế.

MH

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: (i) Giới thiệu về quản trị tài chính doanh nghiệp, (ii) Thời giá tiền tệ và mô hình chiết khấu dòng tiền, (iii) Lợi nhuận và rủi ro, mô hình định giá tài sản vốn, (iv) Định giá và quyết định đầu tư chứng khoán, (v) Phân tích quyết định đầu tư dự án, (vi) Quản trị tài sản ngắn hạn (vii), Tác động của đòn bẩy lên rủi ro và lợi nhuận, và (viii) Phân tích báo cáo tài chính. Về mặt kỹ năng, sinh viên có thể áp dụng những kiến thức đã học có khả năng đề xuất được các giải pháp để giải quyết những vấn đề thực tế phát sinh liên quan đến các hoạt động quản trị tài chính trong doanh nghiệp.

Môn học/Course Name: **Tài chính doanh nghiệp 1**

Mã môn học/Course Code: FINA6315

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance) được thiết kế như là môn học chung cho chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính-Ngân hàng nhằm cung cấp kiến thức lý luận làm nền tảng cho việc học các môn học chuyên ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về các vấn đề sau đây: Mục tiêu và các quyết định của tài chính công ty, đọc hiểu và phân tích các báo cáo tài chính công ty, thời giá tiền tệ và mô hình chiết khấu dòng tiền, lợi nhuận, rủi ro và mô hình định giá tài sản vốn, định giá trái phiếu, định giá cổ phiếu, phân tích và ra quyết định đầu tư dự án, đòn bẩy tài chính, các lý thuyết về cấu trúc vốn công ty và chính sách cổ tức.

Môn học này chưa đi sâu vào một chủ đề đặc biệt của tài chính công ty và nghiệp vụ chuyên môn của ngân hàng thương mại, nhưng nó rất quan trọng ở chỗ cung cấp cơ sở lý luận để sinh viên có nền tảng kiến thức tiếp thu các môn học chuyên ngành sau này.

Môn học/Course Name: **Tài chính quốc tế**

Mã môn học/Course Code: FINA6326

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Tài chính quốc tế (International Finance) được thiết kế như là môn học cơ sở cho chương trình đào tạo cử nhân ngành tài chính – ngân hàng. Môn học này nhằm cung cấp kiến thức nền tảng liên quan đến sự di chuyển các dòng vốn quốc tế vì mục đích kinh tế, chính trị và xã hội. Cụ thể, môn học Tài chính quốc tế trang bị cho sinh viên những kiến thức về ba vấn đề chính: *my*

Thứ nhất là môi trường tài chính bao gồm thị trường ngoại hối, hệ thống tiền tệ quốc tế, cán cân thanh toán quốc tế;

Thứ hai là tỷ giá hối đoái: cung cầu ngoại tệ, các học thuyết hiện đại về tỷ giá;

Thứ ba là thị trường tài chính quốc tế bao gồm thị trường cổ phiếu, trái phiếu quốc tế, thị trường Eurocurrency và các định chế tài chính quốc tế.

Môn học/Course Name: **Kế toán tài chính 1**

Mã môn học/Course Code: ACCO6340

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học kế toán tài chính 1 được xây dựng nhằm giới thiệu cho học viên tổng quan về kế toán tài chính, hệ thống kế toán Việt Nam và các đối tượng kế toán cơ bản thuộc phần tài sản ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán. Trong từng nội dung của môn học, ngoài các thuật ngữ, nguyên tắc vận dụng và định khoản kế toán, học viên còn bắt đầu làm quen với hệ thống chứng từ kế toán, ghi chép vào hệ thống sổ kế toán từ đó tổng hợp số liệu để trình bày trên Bảng cân đối kế toán ở các chỉ tiêu liên quan.

Môn học/Course Name: **Kiểm toán 1**

Mã môn học/Course Code: ACCO6343

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Kiểm toán 1 giới thiệu các kiến thức cơ bản về kiểm toán và hoạt động kiểm toán: bản chất, vai trò của kiểm toán; các loại kiểm toán và môi trường hoạt động của kiểm toán; một số khái niệm, phương pháp quy trình cơ bản trong kiểm toán báo cáo tài chính.

Môn học/Course Name: **Thanh toán quốc tế**

Mã môn học/Course Code: FINA6303

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Thanh Toán Quốc Tế (International Payment) được thiết kế như là môn học chuyên ngành cho chương trình đào tạo cử nhân ngành tài chính – ngân hàng. Môn học này nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng và ngoại thương. Bên cạnh đó, môn học này còn

giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của ngân hàng đối với hoạt động thanh toán quốc tế - nền tảng cho sự phát triển của thương mại quốc tế và chu chuyển vốn quốc tế.

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề sau đây: giải thích được sự khác biệt giữa thanh toán quốc tế với thanh toán nội địa từ đó cần thiết am hiểu về hệ thống cơ sở pháp lý, phong tục tập quán, quy tắc sử dụng trong thanh toán quốc tế; Bộ chứng từ sử dụng trong thương mại và thanh toán quốc tế nhằm bảo hộ quyền lợi của các bên tham gia; Phương tiện sử dụng trong thanh toán quốc tế; Phương thức thanh toán quốc tế phù hợp với đặc điểm giao dịch thương mại quốc tế và phòng ngừa rủi ro thông qua vai trò trung gian của ngân hàng.

Môn học/Course Name: **Thống kê ứng dụng**

Mã số môn học/Course Code: BADM6302

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Thống kê ứng dụng là môn học cơ sở. Mục đích của môn học là trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về ứng dụng thống kê trong các lĩnh vực chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính ngân hàng và kinh tế. Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê mô tả và thống kê suy diễn như: ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan, hồi quy tuyến tính đơn giản, phương pháp phân tích tăng trưởng và chỉ số, biết cách thực hiện một cuộc điều tra thống kê và viết và trình bày báo cáo phân tích thống kê.

Môn học/Course Name: **Tiền tệ và Ngân hàng**

Mã môn học/Course Code: FINA6325

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học Tiền tệ - Ngân hàng (Money and Banking) được thiết kế như là môn học chung cho chương trình đào tạo cử nhân ngành tài chính-ngân hàng nhằm cung cấp kiến thức lý luận làm nền tảng cho việc học các môn học chuyên ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về các vấn đề sau đây: Tiền tệ và các chế độ tiền tệ, ngân hàng và tổ chức hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính, lý thuyết về tín dụng và lãi suất, các học thuyết tiền tệ, lạm phát và chính sách tiền tệ quốc gia.

Môn học này chưa đi sâu vào nghiệp vụ chuyên môn của ngân hàng nhưng nó rất quan trọng ở chỗ cung cấp cơ sở lý luận để sinh viên có nền tảng kiến thức tiếp thu các môn học chuyên ngành sau này.

Môn học/Course Name: **Quản trị chiến lược**

Mã số môn học/Course Code: BADM6324

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược để thiết lập và thực hiện các chiến lược phát triển kinh doanh. Những kiến thức này cũng có thể áp dụng cho các loại tổ chức khác trong xã hội.

Môn học/Course Name: **Kinh doanh quốc tế**

Mã số môn học/Course Code: BADM6325

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết:

Mô tả tóm tắt/Course description: Kinh doanh quốc tế là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh quốc tế. Môn học cung cấp những kiến thức cần thiết để học viên có thể am hiểu về sự khác biệt giữa các quốc gia ảnh hưởng như thế nào đến việc phân tích hay hoạch định chiến lược thâm nhập thị trường nước ngoài. Môn học giúp học viên nâng tầm nhìn khi tìm hiểu về nền kinh tế trong thời kỳ hội nhập toàn cầu hóa. Song song đó, nội dung môn học còn cung cấp một cách toàn diện về hoạt động của môi trường kinh tế quốc tế, từ những hiểu biết về các lý thuyết nền tảng đến chính sách và bảo hộ mậu dịch của các quốc gia kể cả thương mại quốc tế đến đầu tư nước ngoài. Cuối cùng, học viên cũng sẽ được tiếp cận đến lý thuyết về hệ thống tiền tệ toàn cầu.

Môn học/Course Name: **Marketing quốc tế**

Mã số môn học/Course Code: BADM6326

Số tín chỉ: 3

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên nên học trước các môn Marketing căn bản, Quản trị Marketing trước khi học môn này.

Mô tả tóm tắt/Course description: Môn Marketing quốc tế là một trong những môn học cốt lõi của các ngành học có liên quan đến kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế. Bắt nguồn từ sự hội nhập kinh tế toàn cầu, môn Marketing quốc tế cung cấp cho người học có những kiến

thức cốt lõi về hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng sản phẩm và dịch vụ, các hoạt động marketing đang diễn ra ngày nay trên phạm vi toàn thế giới.

Môn học/Course Name: **Thực tập tốt nghiệp**

Mã môn học/Course Code: BLAW6401

Số tín chỉ: 4

Môn học trước: Học hết các môn học bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, và kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế.

Mô tả tóm tắt/Course description: Thực tập tốt nghiệp là môn học tổ chức vào những học kỳ cuối sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương và những kiến thức chuyên sâu về ngành, chuyên ngành và các kiến thức bổ trợ khác. Đối với môn học này, sinh viên sẽ đến thực tập tại các doanh nghiệp, cơ quan tổ chức có sử dụng kiến thức chuyên ngành luật để quan sát, làm quen và thực hành những kiến thức đã học vào thực tiễn. Kết thúc khóa thực tập, sinh viên sẽ hoàn thiện một chuyên đề thực tập tốt nghiệp. Chuyên đề phải thể hiện được năng lực của sinh viên trong việc hình thành ý tưởng, cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tiễn của các tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan tổ chức.


Môn học/Course Name: **Khóa luận tốt nghiệp**

Mã môn học/Course Code: BLAW6601

Số tín chỉ: 6

Môn học trước: Thực tập tốt nghiệp

Mô tả tóm tắt/Course description: Khóa luận tốt nghiệp là môn học tổ chức vào học kỳ cuối sau khi sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương và những kiến thức chuyên sâu về ngành, chuyên ngành và các kiến thức bổ trợ khác.

Sau khi thực tập tốt nghiệp, nếu đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ được hướng dẫn thực hiện Khóa luận tốt nghiệp trong một thời gian nhất định. Việc thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nhằm mục đích giúp sinh viên hình thành và phát triển ý tưởng nghiên cứu, kỹ năng nghiên cứu về những vấn đề lý luận, quy định pháp luật và thực tiễn đặt ra đối với những vấn đề đó. Nếu không đủ điều kiện để làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc theo nguyện vọng của sinh viên, sinh viên được đăng ký học các môn tự chọn từ kiến thức ngành tự chọn, kiến thức chuyên ngành tự chọn, kiến thức bổ trợ tự chọn để đảm bảo đủ khối lượng tối thiểu 06 tín chỉ tích lũy theo quy định của Trường 

XVII. Đề cương chi tiết môn học/Detailed course specifications *M*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
GUIDELINE FOR PROGRAMME DELIVERY
Ngành/Major: Ngành Luật kinh tế - Năm/Year 2022

1. Danh mục môn học tương đương – thay thế/List of equivalent/alternative courses

STT	Môn học trong chương trình cũ/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2022/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
1. Danh mục môn học tương đương						
1.	Con người và môi trường	BIOT6301	3	Con người và môi trường	BIOT6335	3
2.	Luật hiến pháp	BLAW6304	3	Luật hiến pháp	BLAW6325	3
3.	Luật Hành chính và tổ tụng hành chính	BLAW6305	3	Luật hành chính	BLAW6326	3
4.	Luật hình sự	BLAW6306	3	Luật hình sự	BLAW6327	3
5.	Luật dân sự 1	BLAW6307	3	Luật dân sự 1	BLAW6328	3
6.	Luật dân sự 2	BLAW6308	3	Luật dân sự 2	BLAW6329	3

STT	Môn học trong chương trình cũ/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2022/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
7.	Pháp luật về hoạt động thương mại	BLAW5307	3	Pháp luật về hoạt động thương mại (Tiếng Anh)	BLAW5315	3
8.	Tư pháp quốc tế	BLAW6318	3	Tư pháp quốc tế	BLAW6330	3
9.	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	GLAW6201	2	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	GLAW6205	2
10.	Luật cạnh tranh	BLAW6313	3	Luật cạnh tranh	BLAW6331	3
11.	Luật môi trường	BLAW6207 BLAW4207	2	Luật môi trường	BLAW6332	3
12.	Luật Đầu tư	BLAW5202	2	Luật Đầu tư (tiếng Anh)	BLAW5316	3
13.	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	BLAW6314	3	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng	BLAW5304	3
14.	Luật kinh doanh bất động sản	BLAW6315	3	Luật kinh doanh bất động sản	BLAW6333	3
15.	Quản lý môi trường	BIOT6203	2	Quản lý môi trường	BIOT6214	2
16.	Kế toán tài chính 1	ACCO6301	3	Kế toán tài chính 1	ACCO6340	3
17.	Kiểm toán 1	ACCO6318	3	Kiểm toán 1	ACCO6343	3
18.	Tiền tệ và Ngân hàng	FINA6307	3	Tiền tệ và Ngân hàng	FINA6325	3
19.	Xã hội học đại cương	SOCI1301	3	Xã hội học đại cương	SOCI6301	3

STT	Môn học trong chương trình cũ/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2022/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
20.	Kinh tế vi mô 1	ECON1301	3	Kinh tế vi mô	ECON6302	3
21.	Kinh tế vĩ mô 1	ECON1302	3	Kinh tế vĩ mô	ECON6303	3
22.	Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW1301	3	Lý luận nhà nước và pháp luật	BLAW6301	3
23.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW1302	3	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW6316	3
24.	Luật học so sánh	BLAW4201	2	Luật học so sánh	BLAW6214	2
25.	Luật hôn nhân và gia đình	BLAW1203	2	Luật hôn nhân và gia đình	BLAW6204	2
26.	Luật lao động	BLAW2301	3	Luật lao động	BLAW6302	2
27.	Luật ngân hàng	BLAW2203	2	Luật ngân hàng	BLAW6208	2
28.	Luật kinh doanh bảo hiểm	BLAW4205	2	Luật kinh doanh bảo hiểm	BLAW6209	2
29.	Pháp luật về xuất nhập khẩu	BLAW4202	2	Pháp luật về xuất nhập khẩu	BLAW6210	2
30.	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	BLAW3202	2	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	BLAW6211	2
2. Danh mục môn học thay thế cho khóa cũ						
1.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW1302	3	Quản trị học	BADM5301 BADM6321 BADM6349	

STT	Môn học trong chương trình cũ/ Course in previous programme			Môn học trong chương trình 2022/ Course in current programme		
	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits	Tên môn học/ Course name	Mã môn học/ Course Code	Số tín chỉ/ Credits
					BADM5346	
2.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW1302	3	Quản trị chiến lược	BADM5306 BADM6324 BADM6358 BADM5367	
3.	Luật tài chính	BLAW1205	2	Tài chính doanh nghiệp 1	FINA6330	

3. Hướng dẫn thực hiện

3.1. Tính liên thông

Chương trình đào tạo trình độ đại học đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đại học có thể học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ khoa học Luật học.

3.2. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của nhà trường với một số điểm cần lưu ý sau:

- Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu kiến thức, cần quy định các môn học trước khi học các môn kế tiếp trong chương trình đào tạo;

- Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại bắt buộc phải thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học;

- Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm

bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn có thể được thay đổi, bổ sung hàng năm để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập;

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng cần thiết;

- Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.


3.3. Định hướng phương pháp dạy học

Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, tăng số giờ thực hành, tăng thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;

Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học 4 năm.

3.4. Định hướng đánh giá

- Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành tình huống, viết tiểu luận hoặc vấn đáp.
- Tổ chức thi kết thúc môn học theo các hình thức: tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

- Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo quy chế hiện hành của nhà trường. 

3.5. Định hướng cách thức lựa chọn các môn học thuộc kiến thức ngành

Sinh viên lựa chọn các môn học dựa trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định dành cho nhóm môn học tự chọn thuộc kiến thức ngành để đảm bảo đủ khối lượng tối thiểu 02 tín chỉ tích lũy với 03 môn tự chọn trong các môn học như sau:

- Luật Hôn nhân và gia đình;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3.6. Định hướng cách thức lựa chọn các môn học thuộc kiến thức chuyên ngành

Sinh viên lựa chọn các môn học dựa trên cơ sở số tín chỉ tích lũy theo quy định dành cho nhóm môn học tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành để đảm bảo đủ khối lượng tối thiểu 08 số tín chỉ tích lũy, chọn một trong các nhóm tự chọn bên dưới. Cụ thể như sau:

- **Nhóm 1:**

- Luật đầu tư;
- Kỹ năng soạn thảo hợp đồng;
- Luật Ngân hàng;
- Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- **Nhóm 2:**

- Luật Kinh doanh bất động sản;
- Luật thương mại điện tử;
- Luật môi trường;
- Pháp luật về luật sư và kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng.

- **Nhóm 3:**

mm

- Pháp luật cộng đồng ASEAN;
- Pháp luật về xuất nhập khẩu;
- Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Lưu ý: Sinh viên có thể lựa chọn các môn học tự chọn thuộc các nhóm kiến thức chuyên ngành nêu trên với điều kiện đảm bảo đủ khối lượng tối thiểu 08 tín chỉ tích lũy.

4. Định hướng cách thức lựa chọn các môn học thuộc kiến thức bổ trợ

Sinh viên lựa chọn các môn học dựa trên cơ sở số tín chỉ tích lũy theo quy định dành cho nhóm môn học tự chọn thuộc kiến thức bổ trợ để đảm bảo đủ khối lượng tối thiểu 09 số tín chỉ tích lũy. Trong đó, kiến thức bổ trợ bắt buộc: 03 tín chỉ (Tiếng Anh nâng cao 5) và kiến thức bổ trợ tự chọn: 06 tín chỉ. Cụ thể các nhóm kiến thức bổ trợ tự chọn như sau:

- Nhóm kiến thức về luật:

- Luật ngân sách nhà nước;
- Luật học so sánh;
- Lịch sử nhà nước và pháp luật;


- Nhóm kiến thức về kế toán, kiểm toán:

- Nguyên lý kế toán;
- Kế toán tài chính 1;
- Kiểm toán 1;
- Đàm phán trong kinh doanh (tiếng Anh);
- Marketing căn bản;
- Quản trị tài chính (Tiếng Anh);

- Marketing quốc tế;
 - Quản trị chiến lược;
 - Quan hệ công chúng;
 - Giao tiếp trong kinh doanh (tiếng Anh);
 - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp.
- **Nhóm kiến thức về xã hội học**
- Phát triển cộng đồng;
 - Giới và phát triển;
 - Giao tiếp liên văn hóa;
 - Giao tiếp liên văn hóa (Tiếng Anh).
- **Nhóm kiến thức về sinh học**
- Phát triển sản phẩm Công nghệ sinh học;
 - Quản lý môi trường;
 - Dinh dưỡng người.

Lưu ý: Sinh viên có thể lựa chọn các môn học tự chọn thuộc các nhóm kiến thức bổ trợ nêu trên với điều kiện đảm bảo đủ khối lượng tối thiểu 06 tín chỉ tích lũy.

5. Tốt nghiệp:

Ngoài môn Thực tập tốt nghiệp, sinh viên thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn học tích lũy thay thế Khóa luận khi hội đủ điều kiện tại “**Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ**” hiện hành của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và quy định của Khoa, cụ thể như sau: 

5.1 Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp:

Sinh viên được đăng ký để thực hiện Khóa luận tốt nghiệp nếu đủ các điều kiện sau:

- Điểm trung bình đạt từ 3.0 trở lên của các môn học tương ứng (trừ 10 tín chỉ các môn tốt nghiệp và áp dụng theo thang điểm 4);
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình;
- Điểm thực tập tốt nghiệp đạt từ 8,0 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc từ 3,5 trở lên (theo thang điểm 4) và được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.

5.2 Tốt nghiệp với các môn học tích lũy thay thế Khóa luận:

Đối với các môn học tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể học tích lũy dần dần ở các học kỳ. Các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp được lựa chọn từ các môn học tự chọn thuộc kiến thức ngành tự chọn, kiến thức chuyên ngành tự chọn, hoặc kiến thức bổ trợ tự chọn để đảm bảo đủ khối lượng tối thiểu 06 tín chỉ tích lũy theo quy định. *mw*